

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2022

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học FPT
2. Mã trường: FPT
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

STT	Cơ sở đào tạo	Loại hình đào tạo	Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo (m ²)
1	Trường Đại học FPT	Cơ sở đào tạo chính	Khu Giáo dục và Đào tạo - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, H. Thạch Thất, Tp. Hà Nội.	286,713	51,790
2	Phân hiệu Trường Đại học FPT tại thành phố Hồ Chí Minh	Phân hiệu	Lô E2a-7, Đường D1 Khu Công nghệ cao, P. Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.	22,540	28,264
3	Phân hiệu Trường Đại học FPT tại thành phố Đà Nẵng	Phân hiệu	Khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng, P. Hoà Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng.	50,233	14,837
4	Phân hiệu Trường Đại học FPT tại thành phố Cần Thơ	Phân hiệu	Số 600 đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.	26,621	24,507
5	Phân hiệu Trường Đại học FPT tại tỉnh Bình Định	Phân hiệu	Khu đô thị mới An Phú Thịnh, Phường Nhơn Bình & Phường Đống Đa, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	57,308	12,410

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <https://daihoc.fpt.edu.vn/>

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh): <https://www.facebook.com/daihocfpt>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: (024)/(028)/(0236)/(0292)/(0256) 7300 1866; (024)/(028) 7300 5588; (0292) 730 3636; (0236)/(0256) 730 0999

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

https://daihoc.fpt.edu.vn/wp-content/uploads/2022/06/tinh_hinh_viec_lam.pdf

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh 2021	Số SV trúng tuyển nhập học 2021	Số SV tốt nghiệp 2021	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh) Đơn vị: %
1	Nghệ thuật					
1.1	Thiết kế đồ họa	7210403			179	100%
2	Kinh doanh và quản lý					
2.1	Quản trị kinh doanh	7340101	3050	3289	225	94.52%
2.2	Kinh doanh quốc tế	7340120			148	92.85%
3	Máy tính và công nghệ thông tin					
3.1	Khoa học máy tính	7480101			17	100%
3.2	Kỹ thuật phần mềm	7480103			906	96.27%
3.3	Công nghệ thông tin	7480201	6250	6574		
3.4	An toàn thông tin	7480202			140	97.56%
4	Nhân văn					
4.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	300	331	193	94.52%
4.2	Ngôn ngữ Nhật	7220209	250	166	180	97.5%
4.3	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	50	32		
5	Báo chí và thông tin					
5.1	Truyền thông đa phương tiện	7320104			45	100%
6	Du lịch, khách sạn,					

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh 2021	Số SV trúng tuyển nhập học 2021	Số SV tốt nghiệp 2021	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh) Đơn vị: %
	thể thao và dịch vụ cá nhân					
6.1	Quản trị khách sạn	7810201			20	
	Tổng		9900	10392	2053	

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

- Năm 2021: <https://daihoc.fpt.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-cua-dh-fpt-nam-2021/>

- Năm 2020: <https://daihoc.fpt.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-cua-dh-fpt-nam-2020/>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

TT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
1	Năm tuyển sinh 2021		X		Các thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh có nguyện vọng theo học tại Trường ĐH FPT cần đáp ứng một trong các điều kiện sau: a) Thuộc diện được xét tuyển thẳng thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo; b) Đạt xếp hạng Top50 theo học bạ THPT năm 2021 (chứng nhận thực hiện trên trang http://SchoolRank.fpt.edu.vn). c) Đạt xếp hạng Top50 theo điểm thi THPT năm 2021 (chứng nhận thực hiện trên

TT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
					trang http://SchoolRank.fpt.edu.vn theo số liệu Đại học FPT tổng hợp và công bố sau kỳ thi THPT 2021) và điểm theo khối xét tuyển đạt từ trung bình trở lên (15*/30 điểm); d) Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 80 hoặc IELTS (Học thuật) từ 6.0 hoặc quy đổi tương đương (áp dụng đối với ngành Ngôn Ngữ Anh); có chứng chỉ tiếng Nhật JLPT từ N3 trở lên (áp dụng đối với ngành Ngôn Ngữ Nhật); có chứng chỉ tiếng Hàn TOPIK cấp độ 4 trong kỳ thi TOPIK II (áp dụng đối với ngành Ngôn Ngữ Hàn Quốc); e) Tốt nghiệp một trong các chương trình sau: Chương trình APTECH HDSE (đối với ngành Công nghệ thông tin); Chương trình ARENA ADIM (đối với chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số); Chương trình BTEC HND; FUNiX Software Engineering; f) Tốt nghiệp THPT ở nước ngoài; g) Tốt nghiệp Đại học; h) Sinh viên chuyển trường từ các trường đại học thuộc Top 1000 trong 3 bảng xếp hạng gần nhất: QS, ARWU và THE hoặc các trường đạt chứng nhận QS Star 5 sao về chất lượng đào tạo; i) Đạt từ 23 điểm (bao gồm điểm ưu tiên đối tượng và khu vực theo Quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo) tổ hợp các môn thi THPT năm 2021 tương ứng với ngành đăng ký học tại mục II.3 (áp dụng với thí sinh không có đủ điểm 6 môn thi THPT năm 2021); Ghi chú: (*) Làm tròn đến hai chữ số thập phân (ví dụ: nếu thí sinh đạt 14.991 đến 14.994 điểm thì làm tròn thành 14.99 điểm; trường hợp từ 14.995 đến 14.999 mới được làm tròn thành 15 điểm).

TT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
2	Năm tuyển sinh 2020		X		Các thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh có nguyện vọng theo học tại Trường Đại học FPT cần đáp ứng các điều kiện xét tuyển của Trường Đại học FPT: 1. Xét tuyển học bạ THPT Đạt xếp hạng theo học bạ THPT năm 2020 thuộc Top50 THPT 2020 (chứng nhận thực hiện trên trang http://SchoolRank.fpt.edu.vn). 2. Xét tuyển theo điểm thi THPT 2.1. Sản chất lượng Điểm theo khối xét tuyển đạt từ trung bình trở lên (15**/30 điểm) – Áp dụng đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển đến hết ngày 22/09/2020. 2.2. Điều kiện xét tuyển Thí sinh cần đạt xếp hạng theo điểm thi THPT năm 2020 thuộc Top50 THPT 2020 (chứng nhận thực hiện trên trang http://SchoolRank.fpt.edu.vn theo số liệu Đại học FPT tổng hợp và công bố sau kỳ thi THPT 2020) 3. Xét tuyển ưu tiên Ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh đạt một trong các điều kiện sau: a) Tốt nghiệp THPT ở nước ngoài b) Tiếng Anh TOEFL iBT từ 80 hoặc IELTS (Học thuật) từ 6.0 hoặc quy đổi tương đương (áp dụng đối với ngành Ngôn Ngữ Anh); c) Tiếng Nhật JLPT từ N3 trở lên (áp dụng đối với ngành Ngôn Ngữ Nhật); d) Tiếng Hàn TOPIK cấp độ 4 trong kỳ thi TOPIK II (áp dụng đối với ngành Ngôn Ngữ Hàn Quốc); e) Tốt nghiệp Chương trình APTECH HDSE (áp dụng đối với ngành Công nghệ thông tin); f) Tốt nghiệp Chương trình ARENA ADIM (áp dụng đối với chuyên ngành Thiết kế Mỹ

TT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
					thuật số); g) Tốt nghiệp Đại học. 4. Xét tuyển thẳng Xét tuyển thẳng thí sinh thuộc diện được xét tuyển thẳng tại mục 2, Điều 7 trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2020. Ghi chú: (*) chính xác đến 0.25 (ví dụ: từ 20.75 đến 21 làm tròn thành 21). (**) Làm tròn đến hai chữ số thập phân (ví dụ: Nếu như thí sinh đạt 14.991 đến 14.994 điểm thì làm tròn thành 14.99 điểm; trường hợp từ 14.995 đến 14.999 mới được làm tròn thành 15 điểm).

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Nhóm ngành	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển	Năm 2020			Năm 2021		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Khối ngành III	Quản trị Kinh doanh	7340101	A00 A01 C00 D01	Xét tuyển	2150	2720	15	3050	3289	23,5
2	Khối ngành V	Công nghệ thông tin	7480201	A00 A01 D01 D90		5000	5416	15	6250	6574	23,5
3	Khối ngành VII	Ngôn ngữ Anh	7220201	A00 A01 C00 D01		280	258	15	300	331	23,5
4		Ngôn ngữ Nhật	7220209	A00 A01 C00		280	181	15	250	166	23,5

TT	Nhóm ngành	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp	Phương thức xét tuyển	Năm 2020			Năm 2021		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
				D01							
5		Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	A00 A01 C00 D01		90	34	15	50	32	23,5
	Tổng					7800	8609		9900	10392	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://daihoc.fpt.edu.vn/wp-content/uploads/2022/06/thong_tin_danh_muc_nganh.pdf

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Truyền thông đa phương tiện	7320104	4465/QĐ-BGDĐT	20/10/2017	862/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2017	2018
2	Công nghệ thông tin	7480201	4294/QĐ-BGDĐT	11/10/2018			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019	2021
3	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	4294/QĐ-BGDĐT	11/10/2018			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019	2021
4	Quản trị khách sạn	7810201	2796/QĐ-BGDĐT	01/08/2013	862/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2017	2018
5	Thiết kế đồ họa	7210403	2796/QĐ-BGDĐT	01/08/2013	862/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và	2013	2018

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(9)</i>	<i>(10)</i>
							Đào tạo		
6	Khoa học máy tính	7480101	1210/QĐ-BGDĐT	28/03/2011	862/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2011	2018
7	An toàn thông tin	7480202	3649/QĐ-BGDĐT	06/09/2013	862/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2013	2018
8	Kỹ thuật phần mềm	7480103	6767/QĐ-BGDĐT	15/11/2006	862/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2007	2021
9	Ngôn ngữ Nhật	7220209	5744/QĐ-BGDĐT	05/12/2014	862/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2014	2021
10	Kinh doanh quốc tế	7340120	2907/QĐ-BGDĐT	22/08/2016	862/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2016	2018
11	Ngôn ngữ Anh	7220201	6302/QĐ-BGDĐT	31/12/2014	862/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo	2016	2021

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							dục và Đào tạo		
12	Quản trị kinh doanh	7340101	4832/QĐ-BGDĐT	31/07/2009	862/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2009	2021

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://daihoc.fpt.edu.vn/wp-content/uploads/2022/06/cac_dieu_kien_dam_bao_chat_luong.pdf

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2021 (Người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC			912

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
1	Tiến sĩ			
2	Thạc sĩ			912
2.1	Kinh doanh và quản lý			831
2.1.1	Quản trị kinh doanh	8340101	Kinh doanh và quản lý	831
2.2	Máy tính và công nghệ thông tin			81
2.2.1	Kỹ thuật phần mềm	8480103	Máy tính và công nghệ thông tin	81
B	ĐẠI HỌC			21164
3	Đại học chính quy			21164
3.1	Chính quy			21164
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			13540
3.1.1.1	Máy tính và công nghệ thông tin			13540
3.1.1.1.1	Khoa học máy tính	7480101	Máy tính và công nghệ thông tin	89
3.1.1.1.2	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Máy tính và công nghệ thông tin	2306
3.1.1.1.3	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	10884
3.1.1.1.4	An toàn thông tin	7480202	Máy tính và công nghệ thông tin	261
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			7624
3.1.2.1	Nghệ thuật			336
3.1.2.1.1	Thiết kế đồ họa	7210403	Nghệ thuật	336
3.1.2.2	Kinh doanh và quản lý			5658
3.1.2.2.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	5421

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
3.1.2.2.2	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh và quản lý	237
3.1.2.3	Nhân văn			1311
3.1.2.3.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	764
3.1.2.3.2	Ngôn ngữ Nhật	7220209	Nhân văn	489
3.1.2.3.3	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Nhân văn	58
3.1.2.4	Báo chí và thông tin			213
3.1.2.4.1	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Báo chí và thông tin	213
3.1.2.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			106
3.1.2.5.1	Quản trị khách sạn	7810201	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	106
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			
4	Đại học vừa làm vừa học			0
4.1	Vừa làm vừa học			
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			
5	Từ xa			
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			
6	Cao đẳng chính quy			
6.1	Chính quy			

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy			
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			
7.1	Vừa làm vừa học			
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học			
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

10.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 443,415 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 5,105

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 5,93m² /Sinh viên

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	631	74164
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	8	6006
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	0	0
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	40	7388

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	537	48465
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	46	12305
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	8	6341
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	29	16385
	Tổng	668	96890

10.2.2 Các thông tin khác

10.3. Danh sách giảng viên

10.3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian (Phụ lục 01)

10.3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non. (Phụ lục 02)

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://daihoc.fpt.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-2022/>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://daihoc.fpt.edu.vn/tuyen-sinh/quy-che-tuyen-sinh-2022/>

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

Các thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương tính đến thời điểm nhập học, có nguyện vọng theo học tại Trường Đại học FPT.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

Trong và ngoài nước Việt Nam.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

Xét tuyển

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo/ Tên ngành/ Môn thi	Mã ngành/Tổ hợp môn	Mã phương thức XT	Tên phương thức XT	Môn chính	Chỉ tiêu (dự kiến)
	Các ngành đào tạo đại học					
A	Ngôn ngữ Anh	7220201				
1	Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội	F03	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		400
2	Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	NL1	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển		20
3	Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội	Q00				
4	Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển	CCQT	408	Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển		10
5	Tuyển thẳng trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2022	TT	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)		5
6	Tốt nghiệp THPT nước ngoài	TNNN	411	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài		10
7	Toán, Văn, Anh, Khoa học tự	F01	500	Sử dụng phương thức khác		110

TT	Trình độ đào tạo/ Tên ngành/ Môn thi	Mã ngành/Tổ hợp môn	Mã phương thức XT	Tên phương thức XT	Môn chính	Chỉ tiêu (dự kiến)
	nhiên					
8	Toán, Văn, Anh, Khoa học xã hội	F02				
9	Sử dụng phương thức khác	PTK				
B	Ngôn ngữ Nhật	7220209				
1	Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội	F03	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		250
2	Tuyển thẳng trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2022	TT	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)		5
3	Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	NL1	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển		20
4	Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội	Q00				
5	Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển	CCQT	408	Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển		10
6	Tốt nghiệp THPT nước ngoài	TNNN	411	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài		10
7	Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên	F01	500	Sử dụng phương thức khác		55
8	Toán, Văn, Anh, Khoa học xã hội	F02				
9	Sử dụng phương thức khác	PTK				

TT	Trình độ đào tạo/ Tên ngành/ Môn thi	Mã ngành/Tổ hợp môn	Mã phương thức XT	Tên phương thức XT	Môn chính	Chỉ tiêu (dự kiến)
C	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210				
1	Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội	F03	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		100
2	Tuyển thẳng trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2022	TT	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)		5
3	Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	NL1	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển		20
4	Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội	Q00				
5	Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển	CCQT	408	Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển		10
6	Tốt nghiệp THPT nước ngoài	TNNN	411	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài		10
7	Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên	F01	500	Sử dụng phương thức khác		35
8	Toán, Văn, Anh, Khoa học xã hội	F02				
9	Sử dụng phương thức khác	PTK				
D	Quản trị kinh doanh	7340101				
1	Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội	F03	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		4950

TT	Trình độ đào tạo/ Tên ngành/ Môn thi	Mã ngành/Tổ hợp môn	Mã phương thức XT	Tên phương thức XT	Môn chính	Chỉ tiêu (dự kiến)
2	Tuyển thẳng trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2022	TT	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)		5
3	Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	NL1	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển		20
4	Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội	Q00				
5	Tốt nghiệp THPT nước ngoài	TNNN	411	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài		10
6	Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên	F01	500	Sử dụng phương thức khác		1280
7	Toán, Văn, Anh, Khoa học xã hội	F02				
8	Sử dụng phương thức khác	PTK				
E	Công nghệ thông tin	7480201				
1	Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội	F03	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		7970
2	Tuyển thẳng trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2022	TT	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)		5
3	Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí	NL1	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để		20

TT	Trình độ đào tạo/ Tên ngành/ Môn thi	Mã ngành/Tổ hợp môn	Mã phương thức XT	Tên phương thức XT	Môn chính	Chỉ tiêu (dự kiến)
	Minh			xét tuyển		
4	Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội	Q00				
5	Tốt nghiệp THPT nước ngoài	TNNN	411	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài		10
6	Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên	F01	500	Sử dụng phương thức khác		1518
7	Toán, Văn, Anh, Khoa học xã hội	F02				
8	Sử dụng phương thức khác	PTK				
Tổng:						16873

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

Mã trường: FPT

STT	Mã ngành	Tên ngành	Mã PT	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn tuyển sinh	Độ lệch so với tổ hợp gốc
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	F03 (Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội)	0
2			301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	TT (Tuyển thẳng trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2022)	0
3			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	NL1 (Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh)	0
					Q00 (Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội)	0
4			408	Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển	CCQT (Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển)	0
5			411	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài	TNNN (Tốt nghiệp THPT nước ngoài)	0
6			500	Sử dụng phương thức khác	F01 (Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên)	0
					F02 (Toán, Văn, Anh, Khoa học xã hội)	0
					PTK (Sử dụng phương thức khác)	0
7	7220209	Ngôn ngữ Nhật	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	F03 (Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội)	0
8			301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	TT (Tuyển thẳng trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2022)	0
9			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	NL1 (Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh)	0
10					Q00 (Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội)	0

STT	Mã ngành	Tên ngành	Mã PT	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn tuyển sinh	Độ lệch so với tổ hợp gốc			
11			408	Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển	CCQT (Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển)	0			
12			411	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài	TNNN (Tốt nghiệp THPT nước ngoài)	0			
13			500	Sử dụng phương thức khác	F01 (Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên) F02 (Toán, Văn, Anh, Khoa học xã hội) PTK (Sử dụng phương thức khác)	0 0 0			
14	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	F03 (Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội)	0			
15			301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	TT (Tuyển thẳng trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2022)	0			
16			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	NL1 (Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh)	0			
					Q00 (Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội)	0			
17			408	Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển	CCQT (Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển)	0			
18			411	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài	TNNN (Tốt nghiệp THPT nước ngoài)	0			
19			500	Sử dụng phương thức khác	F01 (Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên) F02 (Toán, Văn, Anh, Khoa học xã hội) PTK (Sử dụng phương thức khác)	0 0 0			
	20	7340101			Quản trị kinh doanh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	F03 (Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội)	0

STT	Mã ngành	Tên ngành	Mã PT	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn tuyển sinh	Độ lệch so với tổ hợp gốc
21			301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	TT (Tuyển thẳng trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2022)	0
22			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	NL1 (Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh)	0
					Q00 (Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội)	0
23			411	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài	TNNN (Tốt nghiệp THPT nước ngoài)	0
24			500	Sử dụng phương thức khác	F01 (Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên)	0
					F02 (Toán, Văn, Anh, Khoa học xã hội)	0
					PTK (Sử dụng phương thức khác)	0
25	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	F03 (Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội)	0
26			301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	TT (Tuyển thẳng trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2022)	0
27			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	NL1 (Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh)	0
					Q00 (Bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội)	0
28			411	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài	TNNN (Tốt nghiệp THPT nước ngoài)	0
28			500	Sử dụng phương thức khác	F01 (Toán, Văn, Anh, Khoa học tự nhiên)	0
					F02 (Toán, Văn, Anh, Khoa học xã hội)	0

STT	Mã ngành	Tên ngành	Mã PT	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn tuyển sinh	Độ lệch so với tổ hợp gốc
					PTK (Sử dụng phương thức khác)	0

Điểm ưu tiên đối tượng và khu vực thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

1.7.1. Điều kiện xét tuyển

Các thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh có nguyện vọng theo học tại Trường Đại học FPT cần đáp ứng các điều kiện trúng tuyển của Trường Đại học FPT:

TT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện trúng tuyển	Mã tổ hợp	Mã phương thức xét tuyển
1	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	1.1. Đạt xếp hạng Top40 theo học bạ THPT năm 2022 (chứng nhận thực hiện trên trang http://SchoolRank.fpt.edu.vn)	F03	200
		1.2. Ưu tiên cho Thế hệ 1 (*): Đạt xếp hạng Top50 SchoolRank năm 2022 (chứng nhận thực hiện trên trang http://SchoolRank.fpt.edu.vn) đối với thí sinh là Thế hệ 1	F03	
2	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (Điều 8)	Thí sinh thuộc diện được xét tuyển thẳng trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2022	TT	301

TT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện trúng tuyển	Mã tổ hợp	Mã phương thức xét tuyển
3	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	Đạt 90/150 điểm trở lên trong kỳ thi Đánh giá năng lực Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 và 670/1200 điểm trở lên trong kỳ thi Đánh giá năng lực Đại học Quốc gia TP HCM năm 2022	Q00, NL1	402
4	Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển	Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 80 hoặc IELTS (Học thuật) từ 6.0 hoặc quy đổi tương đương (áp dụng đối với ngành Ngôn Ngữ Anh); có chứng chỉ tiếng Nhật JLPT từ N3 trở lên (áp dụng đối với ngành Ngôn Ngữ Nhật); có chứng chỉ tiếng Hàn TOPIK cấp độ 4 trong kỳ thi TOPIK II (áp dụng đối với ngành Ngôn Ngữ Hàn Quốc)	CCQT	408
5	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài	Tốt nghiệp THPT ở nước ngoài	TNNN	411
6	Sử dụng phương thức khác	6.1.Đạt xếp hạng Top40 theo điểm thi THPT năm 2022 (chứng nhận thực hiện trên trang http://SchoolRank.fpt.edu.vn theo số liệu Đại học FPT tổng hợp và công bố sau kỳ thi THPT 2022)	F01, F02	500
		6.2. Ưu tiên cho Hệ 1 (*): Đạt xếp hạng Top50 SchoolRank năm 2022 (chứng nhận thực hiện trên trang http://SchoolRank.fpt.edu.vn) đối với thí sinh là Hệ 1	F01, F02	
		6.3. Tốt nghiệp một trong các chương trình sau: Chương trình APTECH HDSE/ADSE (đối với ngành Công nghệ thông tin); Chương trình ARENA ADIM (đối với chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số); Chương trình BTEC HND; FUNiX Software Engineering	PTK	
		6.4. Tốt nghiệp Đại học	PTK	

TT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện trúng tuyển	Mã tổ hợp	Mã phương thức xét tuyển
		6.5. Sinh viên từ nước ngoài về từ các trường đại học thuộc Top 1000 trong 3 bảng xếp hạng gần nhất: QS, ARWU và THE hoặc các trường đạt chứng nhận QS Star 5 sao về chất lượng đào tạo	PTK	

Ghi chú:

(*) Thế hệ 1: thí sinh là người đầu tiên trong gia đình (gồm phụ huynh hoặc người bảo trợ và tất cả anh chị em ruột) học đại học. Khi đăng ký xét tuyển, thí sinh là Thế hệ 1 cần nộp Đơn đăng ký ưu tiên xét tuyển có xác nhận của nơi làm việc của bố mẹ hoặc địa phương theo mẫu của Trường Đại học FPT.

1.7.2. Lịch trình xét tuyển

Căn cứ theo lịch trình xét tuyển năm 2022 của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Đối với đợt 1 lọc tuyển trên hệ thống của Bộ GD&ĐT, thí sinh chỉ đủ điều kiện trúng tuyển khi đã làm thủ tục đăng ký và nhận được thông báo đủ điều kiện sơ tuyển của trường trước ngày lọc tuyển. Trong trường hợp số thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vượt chỉ tiêu, nhà trường sẽ áp dụng tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng đăng ký.

Các đợt tuyển bổ sung (nếu có) căn cứ vào kết quả đợt tuyển sinh trước đó và sẽ được thông báo khi trường chưa tuyển đủ chỉ tiêu.

1.7.3. Thủ tục đăng ký và nộp phí

a) Địa điểm văn phòng tư vấn tuyển sinh và thông tin liên hệ hướng dẫn cách thức đăng ký và nộp phí

Văn phòng tuyển sinh	Địa chỉ	Điện thoại
Hà Nội	Khu Giáo dục và Đào tạo – Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội	(024)73001866 (024)73005588
TP. Hồ Chí Minh	Lô E2a-7, Đường D1 Khu Công nghệ cao, P. Long Thạnh Mỹ, Q.9, Tp.HCM	(028)73001866 (028)73005588
TP. Đà Nẵng	Khu Đô thị Công nghệ FPT, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng	(0236)7301866 (0236)7300999
TP. Cần Thơ	Số 600 đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, Khu vực 6, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	(0292)7301866 (0292)7303636
TP. Quy Nhơn	Khu đô thị mới An Phú Thịnh, Phường Nhơn Bình & Phường Đống Đa, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	(0256)7300999 (0256)7301866

b) Nộp phí

Tài khoản ngân hàng của Trường Đại học FPT

Tài khoản	Hà Nội	TP.HCM	Đà Nẵng	Cần Thơ	Quy Nhơn
Chủ tài khoản	Trường Đại học FPT	Phân hiệu Trường Đại học FPT tại thành phố Hồ Chí Minh	Phân hiệu Trường Đại học FPT tại thành phố Đà Nẵng	Phân hiệu trường Đại học FPT tại thành phố Cần Thơ	Phân hiệu trường Đại học FPT tại tỉnh Bình Định
Số tài khoản	00006969009	20209090909	03557714901	09098788005	13111113804
Ngân hàng	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm	Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Đà Nẵng	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Cần Thơ	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Bình Định
Nội dung nộp tiền	– Đối với thí sinh đăng ký tham gia chương trình học bổng: <Họ và tên thí sinh – Số CMND của thí sinh – Lệ phí ĐKHB 2022> – Đối với thí sinh đăng ký nhập học: <Họ và tên thí sinh – Số CMND của thí sinh – Lệ phí ĐKNH 2022>				

Các khoản phí áp dụng theo Quy định tài chính hiện hành của Trường Đại học FPT.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

Các chính sách ưu tiên xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển khác thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

- Lệ phí tuyển sinh (nộp cho trường): 200,000 VNĐ/hồ sơ;
- Lệ phí đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ GD&ĐT: theo quy định của Bộ GD&ĐT năm 2022.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

Học phí và các khoản phí khác đối với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm dựa vào Quy định tài chính hiện hành cho sinh viên các hệ đào tạo của Trường Đại học FPT, cụ thể áp dụng cho các thí sinh nhập học tại các địa điểm đào tạo như sau:

❖ Cơ sở đào tạo chính tại Tp. Hà Nội và phân hiệu tại Tp. Hồ Chí Minh:

+ Học phí kỳ định hướng: 11,300,000 VNĐ

+ Học phí tiếng Anh chuẩn bị: 11,300,000 VNĐ/mức (có 6 mức tiếng Anh, xếp lớp tùy trình độ)

+ Học phí chuyên ngành: 27,300,000 VNĐ/kỳ (gồm 9 kỳ học chuyên ngành)

❖ Phân hiệu tại Tp. Đà Nẵng và tỉnh Bình Định

+ Học phí kỳ định hướng: 7,910,000 VNĐ

+ Học phí tiếng Anh chuẩn bị: 7,910,000 VNĐ/mức (có 6 mức tiếng Anh, xếp lớp tùy trình độ)

+ Học phí chuyên ngành: 19,110,000 VNĐ/kỳ (gồm 9 kỳ học chuyên ngành)

❖ Phân hiệu tại Tp. Cần Thơ:

+ Học phí kỳ định hướng: 7,250,000 VNĐ

+ Học phí tiếng Anh chuẩn bị: 7,250,000 VNĐ/mức (có 6 mức tiếng Anh, xếp lớp tùy trình độ)

+ Học phí đối với chuyên ngành CNTT và Thiết kế đồ họa: 17,500,000 VNĐ/kỳ (gồm 9 kỳ học chuyên ngành)

+ Học phí đối với chuyên ngành Kinh tế và Ngôn ngữ: 14,800,000 VNĐ/kỳ (gồm 9 kỳ học chuyên ngành)

- Học phí có thể được điều chỉnh hàng năm không quá 10%;

- Đợt nộp học phí đầu tiên khi nhập học sinh viên nộp học phí kỳ định hướng và 1 mức tiếng anh chuẩn bị

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

Căn cứ theo lịch trình xét tuyển năm 2022 của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Các đợt tuyển bổ sung (nếu có) căn cứ vào kết quả tuyển sinh trước đó và sẽ được thông báo các thí sinh ngay khi trường chưa

tuyển đủ chỉ tiêu.

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 1292 tỷ đồng

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 64 triệu đồng/SV/năm

1.15. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

Trường không tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm

Trường không tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa

Trường không tuyển sinh đào tạo từ xa

Cán bộ kê khai
Họ và tên: Vũ Thu Chinh
Số điện thoại: 098 3070782
Email: Chinhvt@fe.edu.vn

Ngày 23 tháng 06 năm 2022
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Đã ký)

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN TOÀN THỜI GIAN

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Nguyễn Ngọc Vĩnh Hằng		Tiến sĩ	Giáo dục tiếng Hàn quốc tế		Ngôn ngữ Hàn Quốc
2	Budiongan Mary Gale Olaso		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
3	Trần Phương Nam		Đại học	Giáo dục thể chất		Công nghệ thông tin
4	Lê Văn Nhân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
5	Trần Thanh Sơn		Thạc sĩ	Nghệ thuật		Công nghệ thông tin
6	Phạm Uyên Phương Thảo		Thạc sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
7	Trần Đức Dũng		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử, truyền thông		Công nghệ thông tin
8	Nguyễn Văn Định		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
9	Nguyễn Cẩm Chi		Thạc sĩ	Thiết kế đa phương tiện		Công nghệ thông tin
10	Lê Nguyên Ngọc		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Kỹ thuật phần mềm
11	Đinh Thị Thu Dung		Đại học	Đàn tranh		Công nghệ thông tin
12	Trần Thị Thúy Ba		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
13	Nguyễn Văn Lành		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
14	Đinh Trần Hồng Hạnh		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
15	Nguyễn Phương Tâm		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
16	Nguyễn Trung Thành		Thạc sĩ	Quản Trị Kinh Doanh Quốc Tế		Ngôn ngữ Nhật
17	Nguyễn Khánh Mai		Thạc sĩ	Tâm lý học		Công nghệ thông tin
18	Nguyễn Xuân Biên		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
19	Trần Hữu Tâm		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
20	Lương Chí Thọ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
21	Mai Bá Anh Khôi		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
22	Huỳnh Thị Minh Tâm		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Kỹ thuật phần mềm
23	Nguyễn Thành Quân		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
24	Nguyễn Văn Kỳ Long		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
25	Nguyễn Thị Vi Hằng		Thạc sĩ	Luật dân sự		Quản trị kinh doanh
26	Võ Đoàn Anh Uyên		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Kỹ thuật phần mềm
27	Trần Thị Minh Ngọc		Thạc sĩ	Giáo dục học		Kỹ thuật phần mềm
28	Nguyễn Minh Hải		Thạc sĩ	Phát triển bền vững		Quản trị kinh doanh
29	Trần Thị Thơ		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
30	Nguyễn Thị Huyền Trang		Tiến sĩ	Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản		Ngôn ngữ Nhật
31	Huỳnh Tấn Châu		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
32	Trần Mỹ Quỳnh		Đại học	Sư Phạm Anh Văn		Công nghệ thông tin
33	Nguyễn Khánh		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
34	Trần Long		Thạc sĩ	Marketing		Quản trị kinh doanh
35	Nguyễn Đức Trí		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Anh
36	Nguyễn Thị Mai Trinh		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Kỹ thuật phần mềm
37	Lê Văn Hoàn		Thạc sĩ	Kiến trúc		Công nghệ thông tin
38	Ngô Hoàng Giang		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
39	Vũ Thị Diệu Thư		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
40	Nguyễn Hữu Hiệp		Thạc sĩ	Kiến trúc		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
41	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
42	Nguyễn Ngọc Anh		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
43	Trần Minh Khuyên		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
44	Lê Phước Linh		Thạc sĩ	Xây dựng		Kỹ thuật phần mềm
45	Nguyễn Văn Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
46	Hồ Minh Trí		Thạc sĩ	Điện tử viễn thông		Công nghệ thông tin
47	Nguyễn Thị Sương		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Nhật		Công nghệ thông tin
48	Phan Thanh Trà		Thạc sĩ	Tin học		Công nghệ thông tin
49	Phan Thị Thùy Linh		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
50	Trương Thảo Uyên		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
51	Nguyễn Thành Long		Thạc sĩ	Marketing		Công nghệ thông tin
52	Nguyễn Minh Phương	Phó giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
53	Lê Thị Mỹ Hạnh		Tiến sĩ	Cảng và Hệ thống Hậu cần		Quản trị kinh doanh
54	Trương Thị Ngọc Thạch		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
55	Louay Alyaqoubi		Tiến sĩ	Quản lý kinh doanh		Công nghệ thông tin
56	Lê Minh Hằng		Thạc sĩ	Business Teacher Education		Quản trị kinh doanh
57	Hồ Anh Điền		Đại học	Sư phạm toán học		Công nghệ thông tin
58	Nguyễn Thị Mỹ Dung		Thạc sĩ	Sư phạm tiếng Hàn		Ngôn ngữ Hàn Quốc
59	Phạm Thị Uyên Trang		Thạc sĩ	Kinh tế		Công nghệ thông tin
60	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
61	Hồng Hải Sơn		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác		Công nghệ thông tin
62	Nguyễn Thị Như Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
63	Nguyễn Quốc Long		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
64	Nguyễn Thị Như Nguyên		Thạc sĩ	Vật lý		Công nghệ thông tin
65	Mai Xuân Tài		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Anh
66	Trần Văn Hoàng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
67	Jireh Faith Ong Cajoles		Đại học	Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
68	Võ Thị Thảo Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
69	Trần Sông Lam		Thạc sĩ	Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
70	Hoàng Hà Nhi		Thạc sĩ	Kiến trúc		Công nghệ thông tin
71	Del Rosario Mary Ann Martin		Đại học	Sư phạm tiếng Anh		Công nghệ thông tin
72	Nguyễn Thị Đoan Trang		Thạc sĩ	Nghiên cứu phát triển		Quản trị kinh doanh
73	Lê Thị Tuyết Nhi		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		Công nghệ thông tin
74	Nguyễn Thanh Hoàng Uyên		Đại học	Thiết kế đồ họa		Công nghệ thông tin
75	Đào Ngọc Tuấn Anh		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
76	Hồ Thăng Triều		Thạc sĩ	Khách sạn và du lịch		Quản trị khách sạn
77	Lê Thị Thùy Linh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
78	Nguyễn Thị Hạnh Nhơn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
79	Phạm Thùy Trang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
80	Võ Thị Chăm Pa		Thạc sĩ	Hóa học		Quản trị kinh doanh
81	Lê Thị Diệu Hằng		Thạc sĩ	Tài chính		Kỹ thuật phần mềm
82	Nguyễn Hoàng Anh Vũ		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
83	Nguyễn Thị Phương Linh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
84	Huỳnh Đình Minh Thiện		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Kỹ thuật phần mềm
85	Hồ Đại Sỹ		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
86	Trần Thế Trung		Tiến sĩ	Vật lý		Công nghệ thông tin
87	Nguyễn Thị Ngọc Thanh		Thạc sĩ	Địa chất		Kỹ thuật phần mềm
88	Đặng Thị Thủy		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Nhật		Ngôn ngữ Nhật
89	Nguyễn Bảo Thúy Nhung		Thạc sĩ	Nông nghiệp		Quản trị kinh doanh
90	Nguyễn Đức Nam		Đại học	Sư phạm giáo dục thể chất		Công nghệ thông tin
91	Võ An Hải		Thạc sĩ	Tài chính		Quản trị kinh doanh
92	Nguyễn Ngự Giao		Thạc sĩ	Du lịch		Quản trị kinh doanh
93	Vũ Thị Lý		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		Công nghệ thông tin
94	Lê Thị Khánh Lam		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Kỹ thuật phần mềm
95	Nguyễn Đoàn Tấn Anh		Thạc sĩ	Điện tử viễn thông		Công nghệ thông tin
96	Trần Ngọc Anh		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
97	Dương Hồng Quang		Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
98	Trương Thị Hoàng Phúc		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
99	Võ Thị Diệu Linh		Đại học	Sư phạm tiếng Anh		Kỹ thuật phần mềm

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
100	Đỗ Duy Thảo		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
101	Trịnh Lê Tân		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
102	Võ Đình Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
103	Mark Gil Mandamian Gabe		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Quản trị kinh doanh
104	Lâm Đỗ Quyên		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
105	Phạm Văn Lim		Thạc sĩ	Xây dựng		Kỹ thuật phần mềm
106	Dương Thị Mỹ Hoàng		Tiến sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh
107	Lê Nhật Quang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
108	Nguyễn Thị Hồng Đào		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Trung		Công nghệ thông tin
109	Vũ Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
110	Tô Thanh Hải		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
111	Nguyễn Thanh Tâm		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
112	Lê Thị Thúy Mai		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
113	Nguyễn Thị Thanh Duyên		Thạc sĩ	Lý Luận và PPDH bộ môn tiếng Anh		Công nghệ thông tin
114	Nguyễn Bảo Việt		Thạc sĩ	Phương pháp Toán Sơ cấp		Công nghệ thông tin
115	Lê Thị Phương Dung		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh
116	Phạm Thị Trang		Đại học	Sư phạm ngữ văn		Quản trị kinh doanh
117	Nguyễn Gia Trí		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
118	Ruehl Maximillian Muller		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa		Công nghệ thông tin
119	Trần Thị Mai Sau		Tiến sĩ	Tài chính		Quản trị kinh doanh
120	Trần Trọng Minh		Thạc sĩ	Vật Liệu Casillat		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
121	Trương Nguyễn Xuân Vinh		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
122	Maria Emelia Paran Jabellana		Đại học	Tâm lý học		Quản trị kinh doanh
123	Hồ Thị Bảo Nhung		Thạc sĩ	Du lịch		Ngôn ngữ Nhật
124	Đặng Quang Vinh		Đại học	Tin học		Công nghệ thông tin
125	Botiwey Cricynthia Duping		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
126	Nguyễn Thị Nhật Linh		Đại học	Sư phạm toán học		Công nghệ thông tin
127	Vũ Thị Quỳnh Thư		Đại học	Thương mại điện tử		Quản trị kinh doanh
128	Nguyễn Duy Linh		Thạc sĩ	Khoa học chính trị và QHQT		Công nghệ thông tin
129	Nguyễn Thị Minh Trang		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
130	Võ Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
131	Nguyễn Đình An		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
132	Ngô Thị Phụng		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
133	Nguyễn Thị Thuận		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Công nghệ thông tin
134	Nguyễn Thị Thúy Nga		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
135	Nguyễn Quốc Quân		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng		Quản trị kinh doanh
136	Sepcon Maria Karla Suarez		Đại học	Báo chí		Công nghệ thông tin
137	Lê Thị Bích Chi		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
138	Phan Phương Đạt		Tiến sĩ	Kỹ thuật		Công nghệ thông tin
139	Bùi Quang Huy		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Công nghệ thông tin
140	Hồ Thân Ái Vân		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng		Công nghệ thông tin
141	Hoàng Như Vĩnh		Thạc sĩ	Điện tử viễn thông		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
142	Vương Quang Hưng		Tiến sĩ	Quản lý		Quản trị kinh doanh
143	Phan Trần Phương Trang		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Công nghệ thông tin
144	Trần Nhật Tân		Đại học	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống		Công nghệ thông tin
145	Dương Khánh Vũ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng & tesol		An toàn thông tin
146	Nguyễn Văn Nga		Thạc sĩ	Kỹ thuật đkhiển và tự động hóa		Công nghệ thông tin
147	Trần Xuân Lĩnh		Thạc sĩ	Quản trị		Quản trị kinh doanh
148	Đào Phương Bắc		Tiến sĩ	Quản Trị Dự Án		Công nghệ thông tin
149	Mai Hoàng Đình		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
150	Ngô Tùng Sơn		Thạc sĩ	CNTT và truyền thông		Truyền thông đa phương tiện
151	Nguyễn Mai Lan		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
152	Trương Đạt Anh		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Quản trị kinh doanh
153	Trần Duy Khiêm		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
154	Nguyễn Trọng Luân		Tiến sĩ	Khoa học Vật Liệu		Quản trị kinh doanh
155	Trần Lý Anh Tuấn		Thạc sĩ	Luật Kinh tế		Quản trị kinh doanh
156	La Thị Cẩm Tú		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
157	Nguyễn Khánh Phương		Thạc sĩ	Văn hóa học		Quản trị kinh doanh
158	Huỳnh Ngọc Linh		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
159	Nguyễn Hoàng Giang		Thạc sĩ	Marketing		Quản trị kinh doanh
160	Lê Thị Kim Nga		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
161	Phạm Quốc Việt		Thạc sĩ	Toán giải tích		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
162	Bùi Thị Thanh Trúc		Đại học	Đông phương học		Công nghệ thông tin
163	Phạm Minh Châu		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
164	Lê Anh Tuấn		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
165	Ngô Văn Cẩm		Tiến sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
166	Võ Duy Nghi		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
167	Trần Thị Diễm Phúc		Thạc sĩ	Quản lý Tài nguyên và Môi trường		Công nghệ thông tin
168	Trịnh Thị Xuân Uyên		Thạc sĩ	Giáo dục học		Quản trị kinh doanh
169	Nguyễn Thị Thanh Minh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
170	Trương Văn Ngọc		Thạc sĩ	Lý luận & LS Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin
171	Nguyễn Nghiệm		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
172	Lưu Văn Hùng		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục		Quản trị kinh doanh
173	Nguyễn Thanh Điền		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
174	Lương Hoàng Hương		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
175	Ali Zahabi		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Công nghệ thông tin
176	Phan Văn Bình		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
177	Hoàng Đình Cường		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
178	Thân Thị Ngọc Vân		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
179	Phan Nhật Trung		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
180	Nguyễn Ánh Tuyết		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
181	Đoàn Thị Thùy Trang		Thạc sĩ	Luật quốc tế		Quản trị kinh doanh
182	Bùi Anh Tuấn		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
183	Nguyễn Thị Thúy Nga		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
184	Lê Anh Sơn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
185	Lại Đức Hùng		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
186	Ngô Tiểu Huy		Đại học	Khoa học máy tính		Khoa học máy tính
187	Đặng Minh Trang		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
188	Trương Ngọc Hưng		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện và CNTT		Công nghệ thông tin
189	Thái Thị Hoàng Lam		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
190	Nguyễn Mỹ Hạnh		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại		Công nghệ thông tin
191	Nguyễn Ngọc Đăng Khoa		Đại học	Sư phạm Vật lý		Quản trị kinh doanh
192	Nguyễn Đình Khôi		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
193	Bùi Thị Ánh Hồng		Thạc sĩ	Ngữ Văn		Công nghệ thông tin
194	Lê Thị Thanh Bình		Thạc sĩ	Lý luận & LS Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin
195	Mai Thế Duy		Tiến sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
196	Nguyễn Đức Thịnh		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
197	Nguyễn Văn Vịnh		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
198	Hoàng Mạnh Đức		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
199	Nguyễn Nhựt Tân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
200	Nguyễn Hữu Thoại		Đại học	Sư phạm Toán học		Công nghệ thông tin
201	Đặng Liên Minh		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
202	Phạm Huỳnh Mai		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
203	Cao Diệu Linh		Thạc sĩ	Lý luận & LS Mỹ thuật ứng dụng		Thiết kế đồ họa

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
204	Trần Thị Hiếu		Thạc sĩ	Toán ứng dụng		Công nghệ thông tin
205	Nguyễn Thị Diệu Liên		Thạc sĩ	LL và PPDH bộ môn tiếng Anh		Công nghệ thông tin
206	Nguyễn Trọng Tài		Thạc sĩ	Khoa học		Công nghệ thông tin
207	Bùi Thị Quỳnh Trang		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
208	Tạ Thị Thu Trang		Đại học	Sư phạm Vật lý		Kỹ thuật phần mềm
209	Bùi Văn Phát		Thạc sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
210	Lâm Nguyễn Trung Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
211	Lê Đình Huynh		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
212	Đặng Long Giao		Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
213	Trịnh Thị Thu Thảo		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục		Công nghệ thông tin
214	Lê Đại Dương		Đại học	Kiến trúc		Công nghệ thông tin
215	Đỗ Thị Ngọc Diễm		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
216	Nguyễn Thị Thu Uyên		Đại học	Sư phạm tiếng Anh		Công nghệ thông tin
217	Marisha Berenice McAuliffe		Tiến sĩ	Thiết kế		Công nghệ thông tin
218	Phạm Minh Ngọc An		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
219	Hồ Ngọc Lợi		Đại học	Huấn luyện thể thao		Công nghệ thông tin
220	Vũ Thanh Phong		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
221	Võ Tài Huy		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
222	Nguyễn Hữu Hương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
223	Hứa Tuấn Cường		Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng		Quản trị kinh doanh
224	Phan Thị Việt Hà		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Anh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
225	Đặng Hoàng Minh		Thạc sĩ	Luật Kinh doanh quốc tế		Quản trị kinh doanh
226	Trương Ngọc Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
227	Lê Quốc Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
228	Trần Thị Thu		Thạc sĩ	Kỹ Thuật Y Sinh		Công nghệ thông tin
229	Phùng Thị Thu Hương		Đại học	Sư phạm ngữ văn		Công nghệ thông tin
230	Nguyễn Đức Duyệt		Tiến sĩ	Toán giải tích		Công nghệ thông tin
231	Kuriko Shinozaki		Tiến sĩ	Lý luận dạy học Ngoại ngữ		Ngôn ngữ Nhật
232	Tô Thị Thùy Dương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
233	Trần Ngọc Ái Vy		Thạc sĩ	Kế toán tài chính		Quản trị kinh doanh
234	Cao Thị Ánh Xuân		Đại học	Thiết kế đồ họa		Công nghệ thông tin
235	Hoàng Đức Quang		Thạc sĩ	Tin học		Công nghệ thông tin
236	Nguyễn Duy Trường		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
237	Đặng Thị Thanh Vân		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
238	Lê Thanh Hải		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
239	Phan Thùy Thiên Hương		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
240	Vũ Văn Quý		Đại học	Vovinam Việt Võ Đạo		Công nghệ thông tin
241	Trần Đức Thanh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
242	Giang Minh Hoàng		Thạc sĩ	Nghệ thuật		Công nghệ thông tin
243	Lục Đức Thành		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
244	Dương Thị Ngọc Trâm		Đại học	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống		Kỹ thuật phần mềm
245	Lê Hồng Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
246	Lê Ngọc Phương Nguyên		Thạc sĩ	Du lịch và giải trí		Truyền thông đa phương tiện
247	Nguyễn Anh Quân		Tiến sĩ	Kinh tế doanh nghiệp và tổ chức sản xuất		Quản trị kinh doanh
248	Thái Anh Vỹ		Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
249	Trần Thanh Nguyên		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
250	Ngô Thị Thanh Vân		Thạc sĩ	Tài chính		Công nghệ thông tin
251	Trần Thị Diệu		Thạc sĩ	Marketing		Quản trị kinh doanh
252	Ngô Minh Thắng		Thạc sĩ	Kiến trúc		Công nghệ thông tin
253	Phương Thị Thanh Huyền		Tiến sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Ngôn ngữ Anh
254	Nguyễn Quang Dũng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
255	Thạch Hồng Sơn		Thạc sĩ	Lý Luận Và PPDH Toán		Công nghệ thông tin
256	Hoàng Quốc Việt		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
257	Nguyễn Siêu Đăng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
258	Nguyễn Duy Ly		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế
259	Nguyễn Thụy Ngọc Duyên		Thạc sĩ	Đầu tư tài chính		Quản trị kinh doanh
260	Rainier Troy Vasquez Garin		Đại học	Vật lý trị liệu		Công nghệ thông tin
261	Phạm Hồng Nhung		Thạc sĩ	Đồng phương học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
262	Nguyễn Hà Phúc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
263	Nguyễn Kim Hào		Thạc sĩ	Tiếp thị bán hàng và dịch vụ		Quản trị kinh doanh
264	Kiều Thị Thu Chung		Thạc sĩ	Quản lý Hành chính công		Ngôn ngữ Anh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
265	Đoàn Nhật Minh		Tiến sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
266	Nguyễn Ngọc Anh		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Nhật		Kỹ thuật phần mềm
267	Đặng Kiều Oanh		Đại học	Quan hệ quốc tế		Công nghệ thông tin
268	Trần Thị Thúy		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
269	Cecilio Jr. Requentel Fedelino		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non		Công nghệ thông tin
270	Lâm Hữu Khánh Phương		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
271	Hoàng Tuấn Anh		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
272	Kiều Minh Quyền		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Ngôn ngữ Anh
273	Võ Thanh Đông		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
274	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Công nghệ thông tin
275	Hồ Thị Hồng Nga		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
276	Nguyễn Cao Nam		Tiến sĩ	Quản trị hệ thống nông thôn và tự nhiên		Quản trị kinh doanh
277	Trịnh Thị Hà		Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
278	Nguyễn Thủy Hương		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
279	Nguyễn Thị Anh Thư		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
280	Nguyễn Vũ Quốc Duy		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
281	Vũ Thế Điệp		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất		Công nghệ thông tin
282	Vi Thị Bảo Thoa		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
283	Nguyễn Hồng Quý		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục		Kỹ thuật phần mềm
284	Tổng Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Tâm lý học		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
285	Lê Thị Minh Loan		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Kỹ thuật phần mềm
286	Ngô Văn Bình		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
287	Nguyễn Duy Minh Tuệ		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Nhật		Công nghệ thông tin
288	Đỗ Tiến Sĩ		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ thông tin
289	Phan Thị Kim Tiến		Thạc sĩ	Văn học		Công nghệ thông tin
290	Bùi Thị Loan		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
291	Tôn Thất Hoài		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
292	Naoko Adachi		Thạc sĩ	Khoa Học Xã Hội		Công nghệ thông tin
293	Trần Kim Phước		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
294	Ngô Thế Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Quản trị kinh doanh
295	Nguyễn Anh Công		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ thông tin
296	Trần Thanh Hiệp		Thạc sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
297	Đặng Sơn Tùng		Thạc sĩ	Marketing		Công nghệ thông tin
298	Phạm Thị Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật công nghiệp		Thiết kế đồ họa
299	Dương Thị Thúy Thơ		Thạc sĩ	Triết học		An toàn thông tin
300	Joaquin Ernaida Mae Inigo		Đại học	Giáo dục tiểu học		Công nghệ thông tin
301	Nguyễn Phước Cường		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
302	Đặng Thanh Thu		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Kinh doanh quốc tế
303	Nguyễn Quốc Trung		Thạc sĩ	Việt Nam Học		Công nghệ thông tin
304	Từ Thanh Phong		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
305	Tôn Thất Nhật Khánh		Thạc sĩ	Toán - Tin ứng dụng		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
306	Lâm Thành Nhân		Đại học	Huấn luyện thể thao		Công nghệ thông tin
307	Lê Ngân Hà		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Ngôn ngữ Anh
308	Nguyễn Phương Thu		Thạc sĩ	Marketing chiến lược		Quản trị kinh doanh
309	Phạm Thị Khánh Ngọc		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Công nghệ thông tin
310	Vũ Thị Kim Yến		Thạc sĩ	Nghệ thuật		Công nghệ thông tin
311	Thái Yên Hà		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
312	Someya Keiichiro		Thạc sĩ	Tiếng Nhật & Văn học Nhật		Ngôn ngữ Nhật
313	Nguyễn Quốc Thụy Phương		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng		Công nghệ thông tin
314	Đỗ Tiến Long		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
315	Hoàng Minh Nam		Đại học	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống		Công nghệ thông tin
316	Lê Thanh Ngân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
317	Trần Quang Bình		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
318	Võ Minh Sang		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Quản trị kinh doanh
319	Nguyễn Thùy Dương		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
320	Huỳnh Thanh Hoàng		Đại học	Tin học		Công nghệ thông tin
321	Nguyễn Vi Thảo Uyên		Thạc sĩ	Nghệ thuật		Kỹ thuật phần mềm
322	Nguyễn Thị Ngân		Thạc sĩ	Thương mại ứng dụng		Quản trị kinh doanh
323	Nguyễn Ngọc Chấn		Đại học	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
324	Nguyễn Thị Thùy Trang		Đại học	Biểu diễn Đàn tranh		Công nghệ thông tin
325	Nguyễn Thanh Nam		Thạc sĩ	Luật		Quản trị kinh doanh
326	Nguyễn Như Ngọc		Tiến sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
327	Võ Thụy Nhật Minh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
328	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
329	Nguyễn Duy Anh		Đại học	Kế toán		Công nghệ thông tin
330	Ngô Xuân Phú		Thạc sĩ	Nhiếp ảnh		Công nghệ thông tin
331	Trần Thế Hào Hiệp		Đại học	Mỹ thuật công nghiệp		Công nghệ thông tin
332	Lê Thị Kim Dung		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Nhật		Ngôn ngữ Nhật
333	Hồ Nguyễn Phú Bảo		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
334	Nguyễn Văn Long		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
335	Đỗ Trí Tuấn		Thạc sĩ	Kiến trúc		Công nghệ thông tin
336	Nguyễn Thị Phương		Đại học	Thiết kế đồ họa		Công nghệ thông tin
337	Giang Vũ Hùng		Đại học	Xử Lý Thông Tin		Công nghệ thông tin
338	Võ Bảo Trân		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		An toàn thông tin
339	Trịnh Trọng Hùng		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
340	Nguyễn Thị Thái Thủy		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
341	Trương Thị Thùy Dung		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
342	Hồ Hải		Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông		Công nghệ thông tin
343	Phạm Nguyễn Thu Ngân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
344	Hà Đăng Khôi		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
345	Nguyễn Hồng Chi		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
346	Đỗ Thị Diễm Mi		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
347	Đặng Thị Thanh Hường		Thạc sĩ	Luật		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
348	Nguyễn Thị Thủy		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
349	Mai Thị Huyền		Đại học	Sư phạm hóa học		Quản trị kinh doanh
350	Phan Duy Hùng		Tiến sĩ	Xử lý tín hiệu thông minh		Công nghệ thông tin
351	Ma Thành Công		Đại học	Đông phương học		Công nghệ thông tin
352	Lê Minh Huy		Tiến sĩ	Toán ứng dụng		Công nghệ thông tin
353	Huỳnh Thanh Phụng		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Quản trị kinh doanh
354	Nguyễn Huệ Linh		Thạc sĩ	Triết học		Quản trị kinh doanh
355	Nguyễn Hạnh Tâm		Thạc sĩ	Marketing		Công nghệ thông tin
356	Nguyễn Minh Ngọc Quỳnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
357	Lại Hiền Phương		Tiến sĩ	Khoa học thông tin		Công nghệ thông tin
358	Nguyễn Thái Phụng Ngân		Thạc sĩ	Marketing		Quản trị kinh doanh
359	Lê Khắc Vinh Hiên		Đại học	Ngữ văn Anh		Kỹ thuật phần mềm
360	Lương Thị Hồng Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
361	Lê Anh Tú		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
362	Đỗ Thị Hồng Cẩm		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Ngôn ngữ Nhật
363	Llena Jannette Nimenzo		Đại học	Khoa Học Xã Hội		Công nghệ thông tin
364	Nguyễn Duy Phương		Thạc sĩ	Khoa học thư viện		Công nghệ thông tin
365	Nguyễn Minh Trường		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
366	Nguyễn Phước Ái Phương		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
367	Trần Nguyễn Đăng Khoa		Thạc sĩ	Master of Business (Marketing)		Công nghệ thông tin
368	Nguyễn Thị Kiều Ân		Thạc sĩ	Toán ứng dụng		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
369	Nguyễn Mai Uyên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
370	Nguyễn Tuấn		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
371	Trần Minh Hằng		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
372	Lê Vũ Trường		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
373	Vũ Thị Thùy Dương		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
374	Michael Omar		Thạc sĩ	CNTT và truyền thông		Công nghệ thông tin
375	Nguyễn Thị Duyên		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh
376	Lê Hồng Thắng		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Công nghệ thông tin
377	Nguyễn Quang Vinh		Đại học	Tin học ứng dụng		Công nghệ thông tin
378	Araujo Junior Demerval Alves De		Đại học	Nghệ thuật		Công nghệ thông tin
379	Võ Minh Luân		Đại học	Giáo dục thể chất		Công nghệ thông tin
380	Phan Văn Mạnh		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
381	Phạm Thị Lánh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
382	Nguyễn Minh Thu		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
383	Bùi Lê Minh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
384	Huỳnh Phạm Ngọc Lâm		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
385	Trần Thị Ly Băng		Đại học	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
386	Nguyễn Hồ Trúc Linh		Đại học	Thiết kế đồ họa		Công nghệ thông tin
387	Trần Vi Anh		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế
388	Lê Thị Kiều Hoa		Thạc sĩ	Luật Kinh tế		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
389	Hà Thanh Hòa		Thạc sĩ	Hóa học		Công nghệ thông tin
390	Nguyễn Thị Thanh Thùy		Đại học	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
391	Nguyễn Hữu Thái		Đại học	Đồ họa		Công nghệ thông tin
392	Bùi Đình Chiến		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
393	Hồ Lê Cảnh Hà		Thạc sĩ	Phát Triển Nông Thôn		Công nghệ thông tin
394	Triệu Thị Trang		Đại học	Sư phạm toán học		Quản trị kinh doanh
395	Nguyễn Vũ Thái Anh		Thạc sĩ	Kinh Doanh Quốc Tế		Công nghệ thông tin
396	Bhaskar Sen		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
397	Nguyễn Chính Quang		Tiến sĩ	Quản lý công nghệ kỹ thuật		Quản trị kinh doanh
398	Đỗ Thị Bích Vân		Đại học	Tin học		Công nghệ thông tin
399	Đoàn Thị Minh Hồng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
400	Nguyễn Thị Thùy Vân		Thạc sĩ	Báo chí học		Công nghệ thông tin
401	Phạm Minh Sáng		Thạc sĩ	Đô thị học		Công nghệ thông tin
402	Nguyễn Thị Cẩm Hương		Thạc sĩ	Software Engineering		Công nghệ thông tin
403	Lê Thị Mỹ Danh		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		Công nghệ thông tin
404	Đỗ Thị Vân		Tiến sĩ	Nghiên cứu Đông Á		Ngôn ngữ Nhật
405	Thái Thị Phúc		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Hàn		Ngôn ngữ Hàn Quốc
406	Ngô Quỳnh Bảo Trâm		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
407	Vũ Thị Bích Hiệp		Tiến sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
408	Nguyễn Văn Thắm		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
409	Nguyễn Thị Huyền Châm		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Nhật

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
410	Giang Thị Minh Thảo		Thạc sĩ	Quản trị rủi ro		Quản trị kinh doanh
411	Phạm Thị Kim Long		Đại học	Đàn tranh		Kỹ thuật phần mềm
412	Huỳnh Thanh Trúc		Thạc sĩ	Biểu diễn Đàn tranh		Công nghệ thông tin
413	Trần Bá Hộ		Đại học	Tin học		Công nghệ thông tin
414	Nguyễn Quốc Cường		Đại học	Sư phạm giáo dục thể chất		Quản trị kinh doanh
415	Nguyễn Thị Thu Mai		Thạc sĩ	Hóa hữu cơ		Quản trị kinh doanh
416	Trần Trọng Huỳnh		Thạc sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
417	Lê Thị Hồng Hạnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
418	Tạ Thị Thắm		Thạc sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
419	Vũ Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
420	Trần Thị Ngọc Huyền		Đại học	Quản trị kinh doanh khách sạn		Ngôn ngữ Anh
421	Trương Thanh Tuyền		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Truyền thông đa phương tiện
422	Hà Thị Thu Hoài		Thạc sĩ	Toán giải tích		Công nghệ thông tin
423	Trần Cao Trọng		Thạc sĩ	Huấn luyện thể thao		Công nghệ thông tin
424	Lưu Trọng Luân		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
425	Lâm Hữu Phúc		Đại học	Cơ khí chế tạo máy		Công nghệ thông tin
426	Nguyễn Minh Tuấn		Đại học	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống		Công nghệ thông tin
427	Nguyễn Ánh Lợi		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
428	Nguyễn Mai Hoa		Thạc sĩ	Báo chí		Quản trị kinh doanh
429	Lê Huy Hùng		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
430	Trần Lê Ngọc Hà		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
431	Hồ Thị Thảo Nguyên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
432	Huỳnh Công Việt Ngữ		Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
433	Nguyễn Khắc Hùng		Tiến sĩ	Hành chính và Quản lý		Quản trị kinh doanh
434	Hàng Bá Linh		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ thông tin
435	Huỳnh Thị Trúc Liễu		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Công nghệ thông tin
436	Đoàn Nguyễn Thành Hòa		Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
437	Nguyễn Phi Hùng		Thạc sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
438	Lâm Văn Tư		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
439	Bùi Thu Trang		Thạc sĩ	Khoa học quản lý		Quản trị kinh doanh
440	Võ Thị Thanh Vân		Tiến sĩ	Khoa học		Công nghệ thông tin
441	Lưu Vĩnh Phương		Thạc sĩ	Vật lý		Quản trị kinh doanh
442	Đinh Phước Vinh		Thạc sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
443	Cao Diễm Phương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
444	Trần Hạo Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
445	Hoàng Đức Đoàn		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
446	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
447	Sheila Malte Dilag		Đại học	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
448	Nguyễn Thị Nhung		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số		Công nghệ thông tin
449	Nguyễn Duy Hoàng		Thạc sĩ	Trắc địa		Công nghệ thông tin
450	Võ Ngọc Hiền		Thạc sĩ	Quản trị DV du lịch & lữ hành		Ngôn ngữ Anh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
451	Đặng Đức Dạm		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
452	Lê Minh Lý		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật phần mềm
453	Nguyễn Anh Thư		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
454	Nguyễn Thị Thu Mỹ		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
455	Nguyễn Thùy Chi		Đại học	Nhạc cụ truyền thống		Công nghệ thông tin
456	Trần Minh Phăng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
457	Lương Mai Nhất Linh		Thạc sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
458	Nguyễn Xuân Hưng		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
459	Ngô Phước Nguyên		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
460	Đỗ Quỳnh Hoa		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Anh
461	Trương Xuân Toàn		Thạc sĩ	Hóa lý thuyết và Hóa lý		Quản trị kinh doanh
462	Nguyễn Văn Khương		Đại học	Giáo dục thể chất		Quản trị kinh doanh
463	Trần Thị Thu Bồn		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
464	Mai Thanh Tuấn		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
465	Trương Hoàng Anh		Đại học	Thiết kế đồ họa		Công nghệ thông tin
466	Nguyễn Trọng Xuân	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế		Công nghệ thông tin
467	Nguyễn Thị Lan Anh		Đại học	Mỹ thuật công nghiệp		Công nghệ thông tin
468	Lưu Phan Thị Huỳnh Như		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam		Công nghệ thông tin
469	Nguyễn Đỗ Anh Khoa		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
470	Vũ Lê Duy		Thạc sĩ	QTKD		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
471	Phan Bảo Châu		Thạc sĩ	Thiết kế		Truyền thông đa phương tiện
472	Châu Mỹ Duyên		Thạc sĩ	Xã Hội Học - Nghiên cứu Phát Triển		Công nghệ thông tin
473	Nguyễn Thị Hà Dung		Thạc sĩ	Kiến trúc		Công nghệ thông tin
474	Đỗ Thị Minh Thủy		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Kỹ thuật phần mềm
475	Isidro Jr. Patillo Cruz		Thạc sĩ	Sư Phạm Anh Văn		Công nghệ thông tin
476	Nguyễn Khắc Việt		Tiến sĩ khoa học	Toán - Lý		An toàn thông tin
477	Ngô Thị Hoàng Oanh		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
478	Hoàng Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
479	Phạm Hoàng Phước		Đại học	Giáo dục thể chất		Kỹ thuật phần mềm
480	Trương Công Duẩn		Tiến sĩ	Vật lý		Công nghệ thông tin
481	Phạm Công Danh		Tiến sĩ	văn tự ngôn ngữ Hán học		Công nghệ thông tin
482	Huỳnh Văn Bảy		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
483	Giáp Thị Quỳnh Nga		Thạc sĩ	Thông tin thư viện		Công nghệ thông tin
484	Phạm Ngọc Anh		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ thông tin
485	Trần Thị Duyên Phương		Thạc sĩ	Nghiên cứu Quốc tế		Công nghệ thông tin
486	Nguyễn Thị Ngọc Yến		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
487	Đoàn Thanh Nghiêm		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh
488	Nguyễn Tấn Thành		Thạc sĩ	Địa kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật phần mềm
489	Nguyễn Thị Như Phương		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
490	Võ Thành Hồng Duyên		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
491	Trần Thanh Danh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
492	Võ Thị Cẩm Diệu		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
493	Huỳnh Tố Nương		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
494	Nguyễn Minh Phúc		Thạc sĩ	Công tác xã hội		Công nghệ thông tin
495	John Peter Hardy		Đại học	Marketing		Công nghệ thông tin
496	Nguyễn Thị Phương Ngân		Đại học	Sư phạm hoá học		Quản trị kinh doanh
497	Nguyễn Phạm Hương Nguyên		Thạc sĩ	Hóa vô cơ		Công nghệ thông tin
498	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Kinh tế tri thức và lãnh thổ		Công nghệ thông tin
499	Nguyễn Thị Quế Hương		Thạc sĩ	Nhật Bản học		Công nghệ thông tin
500	Nguyễn Thị Thanh Tâm		Tiến sĩ	Quản lý và Lãnh đạo		Quản trị kinh doanh
501	Phan Huỳnh Minh Tú		Thạc sĩ	Hàn Quốc Học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
502	Lê Thị Thúy Hằng		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Ngôn ngữ Anh
503	Phó Thị Mỹ Hạnh		Tiến sĩ	Truyền thông&Khoa học ngôn ngữ		Quản trị kinh doanh
504	Nguyễn Đình Ngọc		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
505	Đỗ Anh Vũ		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
506	Dương Thị Thục Oanh		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
507	Emily Cabalida De Guzman		Đại học	Business Teacher Education		Công nghệ thông tin
508	Hoàng Thị Thúy Ngọc		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
509	Phạm Hữu Thắng		Đại học	Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
510	Đặng Văn Hiếu		Tiến sĩ	Khoa học vật liệu		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
511	Nguyễn Thị Kim Chung		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Hàn		Ngôn ngữ Hàn Quốc
512	Trần Anh Kiều		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
513	Nguyễn Ba Lê		Thạc sĩ	Quản trị		Quản trị kinh doanh
514	Badong Karen Cheermaine Abejo		Đại học	Quản trị khách sạn		Ngôn ngữ Anh
515	Nguyễn Hải Yến		Thạc sĩ	Lãnh đạo và Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
516	Hồ Hữu Lực		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
517	Nguyễn Đức Sơn		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		Thiết kế đồ họa
518	Nguyễn Hồng Chí		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
519	Nguyễn Thị Ly Ly		Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực		Công nghệ thông tin
520	Lương Trung Kiên		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
521	Lê Thanh Nhân		Đại học	Đông Nam Á học		Công nghệ thông tin
522	Nguyễn Thành Đôn		Tiến sĩ	Cơ học chất lỏng		Công nghệ thông tin
523	Nguyễn Trường Sơn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
524	Vũ Văn Chính		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
525	Lê Thị Thanh Nga		Thạc sĩ	Điện tử viễn thông		Công nghệ thông tin
526	Phạm Thị Phương Hà		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Ngôn ngữ Anh
527	Hoàng Xuân Sơn		Thạc sĩ	Điện tử viễn thông		Công nghệ thông tin
528	Dương Ngọc Tú		Thạc sĩ	Sáo trúc		Quản trị kinh doanh
529	Nguyễn Thế Hoàng		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
530	Nguyễn Mạnh Hùng		Tiến sĩ	Toán ứng dụng		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
531	Trương Thị Mỹ Ngọc		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
532	Nguyễn Thị Thu Loan		Thạc sĩ	Quản Trị Dự Án		Quản trị kinh doanh
533	Phạm Công Thành		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
534	Trần Xuân Hiệu		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
535	Lê Thị Kim Oanh		Thạc sĩ	Châu Á học		Ngôn ngữ Nhật
536	Phạm Ngọc Trung		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Ngôn ngữ Anh
537	Huỳnh Thị Mỹ Trang		Thạc sĩ	Tin học		Công nghệ thông tin
538	Đặng Quang Minh		Đại học	Kỹ thuật phần mềm		Công nghệ thông tin
539	Ngô Đăng Hà An		Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
540	Trần Thanh Bích Trà		Thạc sĩ	Facility Management		Công nghệ thông tin
541	Diệp Thị Hoàng Trân		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
542	Nguyễn Thị Minh Huế		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		Thiết kế đồ họa
543	Phan Văn Hiếu		Tiến sĩ	Tài chính		Quản trị kinh doanh
544	Bùi Xuân Chung		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
545	Nguyễn Hải Quỳnh Trâm		Thạc sĩ	Quản trị nhà hàng khách sạn		Quản trị khách sạn
546	Huỳnh Thị Liên		Thạc sĩ	Văn học		Công nghệ thông tin
547	Nguyễn Thị Thùy Hiền		Thạc sĩ	Marketing chiến lược		Quản trị kinh doanh
548	Nguyễn Hữu Huy		Đại học	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
549	Nguyễn Trung Thành		Đại học	Việt Nam Học		Ngôn ngữ Anh
550	Vũ Thị Việt Hà		Thạc sĩ	Quản trị du lịch		Quản trị khách sạn
551	Trần Văn Nhuộm		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
552	Phạm Thành Vinh		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
553	Trần Ngọc Phương Anh		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác		Công nghệ thông tin
554	Nguyễn Văn Sang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kỹ thuật phần mềm
555	Nguyễn Tấn Danh		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
556	Lương Ngọc Bích		Đại học	Kinh tế đối ngoại		Công nghệ thông tin
557	Đinh Thị Thu Thảo		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
558	Võ Minh Vinh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
559	Nguyễn Thị Thanh Nhân		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Quản trị kinh doanh
560	Nguyễn Thị Kim Cương		Thạc sĩ	Kế toán		Công nghệ thông tin
561	Dubuc Sylvain		Đại học	Kiến trúc		Công nghệ thông tin
562	Nguyễn Lê Vân Hà		Đại học	Thiết kế thời trang		Công nghệ thông tin
563	Nguyễn Hoàng Ánh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
564	Đinh Cao Tường		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Công nghệ thông tin
565	Nguyễn Thị Lan Hương		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
566	Đặng Thái Sơn		Đại học	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
567	Cao Hoàng Phúc		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
568	Trần Thị Huyền		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
569	Trần Lý Thành		Thạc sĩ	Chính sách công		Quản trị kinh doanh
570	Nguyễn Thị Như Ngọc		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
571	Đặng Thị Minh Thuyết		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Ngôn ngữ Anh
572	Phan Thị Bảo Trâm		Thạc sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
573	Nguyễn Văn Quyết		Đại học	Sáo Trúc		Công nghệ thông tin
574	Trần Hữu Hiệp		Tiến sĩ	Kinh tế học/Luật		Quản trị kinh doanh
575	Hồ Trà Giang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Anh
576	Lê Doãn Tùng Linh		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
577	Nguyễn Hoàng Lâm		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Nhật		Ngôn ngữ Nhật
578	Dumapis Arlene Bentican		Đại học	Quản trị khách sạn		Ngôn ngữ Anh
579	Hoàng Tuấn Anh		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
580	Nguyễn Ngọc Trâm		Đại học	Ngữ văn Anh		Công nghệ thông tin
581	Hoàng Lâm Tịnh		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
582	Nguyễn Thiên Ân		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
583	Thân Hoàng Lộc		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
584	Shruthi Thaiveppil Gopi		Thạc sĩ	Thiết kế		Công nghệ thông tin
585	Chu Thành		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
586	Cao Thái Thảo		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Quản trị kinh doanh
587	Nguyễn Thị Minh Thúy		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Thiết kế đồ họa
588	Nguyễn Đức Việt		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
589	Lý Quỳnh Trang		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
590	Hoàng Tôn Nữ Giáng Hương		Thạc sĩ	Marketing chiến lược		Quản trị kinh doanh
591	Morondos Julieto Banghal		Đại học	Lâm nghiệp xã hội		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
592	Thái Quang Hy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
593	Lê Văn Phụng		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
594	Trịnh Thị Mai		Thạc sĩ	Tâm lý học		Công nghệ thông tin
595	Lê Mộng Thúy		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
596	Trần Ngọc Tuấn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		
597	Nguyễn Việt Thắng		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		
598	Hồ Trúc Chi		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Ngôn ngữ Anh
599	Trịnh Thúy Nga		Thạc sĩ	Quản trị du lịch		Quản trị kinh doanh
600	Nguyễn Bảo Trung		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử		Công nghệ thông tin
601	Nguyễn Thị Thiều Hoa		Thạc sĩ	Dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác		Công nghệ thông tin
602	Phạm Phương Thảo		Thạc sĩ	Khoa học		Quản trị kinh doanh
603	Nguyễn Hoàng Tiến		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
604	Phạm Đức Việt		Thạc sĩ	Tài chính		Quản trị kinh doanh
605	Trần Phước Sinh		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
606	Vũ Thị Minh Hiền		Tiến sĩ khoa học	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
607	Bùi Hoàng Dũng		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
608	Trần Thị Thùy Dương		Đại học	Sư phạm ngữ văn		Quản trị kinh doanh
609	Phạm Tuyết Hạnh Hà		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
610	Nguyễn Viết Tân		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Thiết kế đồ họa

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
611	La Thuận Bửu		Thạc sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học		Công nghệ thông tin
612	Thái Thị Hồng Châu		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
613	Nguyễn Thị Hương		Thạc sĩ	Tâm lý học		Công nghệ thông tin
614	Nguyễn Quốc Khang		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Công nghệ thông tin
615	Trần Minh Hải		Tiến sĩ	Kỹ thuật Thông tin viễn thông		Công nghệ thông tin
616	Nguyễn Thị Hồng		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
617	Trần Thị Mai Anh		Thạc sĩ	Công tác xã hội		Quản trị kinh doanh
618	Nguyễn Sỹ Đông		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử		Công nghệ thông tin
619	Đinh Việt Dũng		Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng		Quản trị kinh doanh
620	Trương Thu Huyền		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
621	Đỗ Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Kinh doanh và tài chính QT		Quản trị kinh doanh
622	Lê Phương Chi		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
623	Đoàn Thị Hậu		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế		Công nghệ thông tin
624	Lương Thị Nhung		Thạc sĩ	Xã hội học		Công nghệ thông tin
625	Đào Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
626	Nguyễn Thị Thủy		Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý		Quản trị kinh doanh
627	Nguyễn Thị Ninh Ngọc		Đại học	Văn học		Kỹ thuật phần mềm
628	Hoàng Văn Liêm		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
629	Vũ Tùng Linh		Thạc sĩ	Quản lý quốc tế		Quản trị kinh doanh
630	Thang Đức Thắng		Tiến sĩ	Báo chí		Truyền thông đa

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
						phương tiện
631	Đỗ Thị Bích Hiền		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
632	Đỗ Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
633	Nguyễn Thị Diệu Hiền		Thạc sĩ	Lý luận & p.pháp giảng dạy T.Anh		Ngôn ngữ Anh
634	Nguyễn Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
635	Trần Ngọc Tuấn		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
636	Huỳnh Ái Vân		Thạc sĩ	Quản trị hệ thống		Quản trị kinh doanh
637	Quách Luyt Đa		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Kỹ thuật phần mềm
638	Nguyễn Hồng Phương		Tiến sĩ	Tin học		Công nghệ thông tin
639	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh		Thạc sĩ	Tài chính		Quản trị kinh doanh
640	Đỗ Kinh Kha		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất		Công nghệ thông tin
641	Hà Đức Hạnh		Thạc sĩ	Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin
642	Trần Diệu Thúy		Thạc sĩ	Marketing		Quản trị kinh doanh
643	Nguyễn Thị Kim Ngân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
644	Trần Ngọc Minh Như		Thạc sĩ	Thương mại Châu Âu		Quản trị kinh doanh
645	Võ Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Quản trị Marketing		Quản trị kinh doanh
646	Nguyễn Hoàng Linh		Thạc sĩ	Thương mại Châu Âu		Quản trị kinh doanh
647	Đỗ Quốc Bình		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
648	Hà Thị Thảo		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
649	Nguyễn Nam Phương	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
650	Trương Hoàng Hậu		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
651	Nguyễn Văn Lộc		Đại học	Giáo dục thể chất		Ngôn ngữ Anh
652	Kiều Trọng Khánh		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
653	Trịnh Thu Hương		Thạc sĩ	Tâm lý học		Công nghệ thông tin
654	Lê Thị Duyên		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Ngôn ngữ Anh
655	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		Thạc sĩ	Toán logic,Đại số&lý thuyết số		Công nghệ thông tin
656	Trần Đình Thành		Thạc sĩ	Quản trị học&Marketing		Quản trị kinh doanh
657	Nguyễn Đình Vinh		Tiến sĩ	Khoa Học Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
658	Bùi Quang Khánh		Đại học	Tin học Quản Lý		Công nghệ thông tin
659	Nguyễn Thùy Linh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
660	Nguyễn Như Huyền		Thạc sĩ	Giáo dục Song ngữ (Tiếng Anh)		Ngôn ngữ Anh
661	Nguyễn Thanh Lịch		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Kinh doanh quốc tế
662	Trương Thị Hoa		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ thông tin
663	Đỗ Thị Tuyết Mai		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
664	Khổng Thị Minh Hòa		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
665	Hoàng Thành		Thạc sĩ	Thương mại		Quản trị kinh doanh
666	Dương Đăng Khánh		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Công nghệ thông tin
667	Phạm Hữu Tài		Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
668	Trần Thị Minh Trang		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
669	Đặng Tố Quyên		Thạc sĩ	Giáo dục quốc tế tiếng Hán		Công nghệ thông tin
670	Nguyễn Hữu Hoàng Giao		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
671	Nguyễn Đắc Đạt		Thạc sĩ	Kiến trúc		Truyền thông đa phương tiện
672	Nguyễn Tuấn Anh		Thạc sĩ	Thông tin thư viện		Công nghệ thông tin
673	Nguyễn Duy Hình		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
674	Trần Hoàng Hà		Thạc sĩ	Quản Trị Kinh Doanh Quốc Tế		Quản trị kinh doanh
675	Nguyễn Thị Huệ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
676	Lê Đức Lợi		Đại học	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
677	Hà Thị Hải Yến		Thạc sĩ	Quản lý công và Doanh nghiệp		Công nghệ thông tin
678	Mai Thanh Nga		Thạc sĩ	Toán ứng dụng		Công nghệ thông tin
679	Hồng Diễm Thuý		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
680	Phạm Gia Khánh		Đại học	Kỹ thuật phần mềm		Công nghệ thông tin
681	Mai Thị Diễm Hương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
682	Khuất Thị Hương		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất		Công nghệ thông tin
683	Nguyễn Việt Anh		Tiến sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
684	Vũ Văn Hải		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
685	Lương Thị Thanh Bình		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
686	Nguyễn Hồng Trường		Thạc sĩ	Lý luận & LS Mỹ thuật ứng dụng		Thiết kế đồ họa
687	Hoàng Mạnh Tuấn		Tiến sĩ	Toán ứng dụng		Công nghệ thông tin
688	Nguyễn Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
689	Trần Khánh Trang		Tiến sĩ	Tài chính		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
690	Nguyễn Ngọc Điện		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
691	Đinh Thị Hồng Nhung		Thạc sĩ	TH tham vấn & trị liệu tâm lý		Công nghệ thông tin
692	Nguyễn Quốc Bảo		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
693	Đặng Văn Dương		Đại học	Sư phạm ngữ văn		Công nghệ thông tin
694	Nguyễn Phương Thanh		Tiến sĩ	Hóa học		Công nghệ thông tin
695	Nguyễn Long Quốc		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Ngôn ngữ Anh
696	Vũ Lê Bảo Trinh		Thạc sĩ	Văn học		Quản trị kinh doanh
697	Nguyễn Thị Đức Hạnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
698	Lê Diệu Thúy		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Công nghệ thông tin
699	Lê Ngọc Trâm		Thạc sĩ	Chính trị học		Kỹ thuật phần mềm
700	Phạm Kim Chi		Thạc sĩ	Lý luận & p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
701	Nguyễn Minh Hòa		Thạc sĩ	Kinh tế thương mại		Kỹ thuật phần mềm
702	Phạm Thị Hải Vân		Thạc sĩ	Thiết kế mỹ thuật công nghiệp		Công nghệ thông tin
703	Lương Anh Tuấn		Đại học	Sư phạm tin học		Công nghệ thông tin
704	Phương Ngô Kim		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Ngôn ngữ Nhật
705	Trần Bình Dương		Thạc sĩ	Công nghệ đa phương tiện		Công nghệ thông tin
706	Nguyễn Trường Dũng		Đại học	Giáo dục thể chất		Công nghệ thông tin
707	Nguyễn Hà Thành		Thạc sĩ	Tâm lý học		Công nghệ thông tin
708	Nguyễn Thị Thu Quỳnh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Công nghệ thông tin
709	Nguyễn Phương Quang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
710	Trần Ngọc Sương		Đại học	Sư phạm tin học		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
711	Trần Tiến Lâm		Thạc sĩ	Vật lý		Quản trị kinh doanh
712	Bùi Ngọc Anh		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
713	Trần Tuấn Cường		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
714	Trương Thị Anh Đào		Tiến sĩ	Vật lý		Công nghệ thông tin
715	Nguyễn Thu Hằng		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
716	Phan Thị Lan Hương		Đại học	Âm nhạc		Công nghệ thông tin
717	Hòa Thị Thanh Bình		Đại học	Vật lý		Kỹ thuật phần mềm
718	Phạm Thị Kim Thúy		Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
719	Nguyễn Đăng Quang		Thạc sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
720	Trần Thị Mỹ Phụng		Đại học	Công nghệ sinh học/Quản trị Kinh Doanh		Công nghệ thông tin
721	Nguyễn Thị Thu Thảo		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
722	Hoàng Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Quản trị du lịch và lữ hành		Công nghệ thông tin
723	Lê Phước Hùng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý		Quản trị kinh doanh
724	Trương Thị Minh Châu		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị		Công nghệ thông tin
725	Đỗ Hoàng Anh		Thạc sĩ	Truyền thông		Công nghệ thông tin
726	Lã Ngọc Quang		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
727	Nguyễn Phương Anh		Thạc sĩ	Lý luận & LS Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin
728	Phan Đăng Cầu		Tiến sĩ	Toán ứng dụng		Công nghệ thông tin
729	Cao Thị Hiền		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
730	Trần Thị Bích Hạnh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
731	Nguyễn Duy Hoàng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
732	Tạ Ngọc Cầu		Tiến sĩ	Toán cơ		Công nghệ thông tin
733	Lê Minh Cường		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
734	Lê Hà Vân		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
735	Nguyễn Văn Nâu		Đại học	Địa lý du lịch		Ngôn ngữ Anh
736	Nguyễn Hải Anh		Thạc sĩ	Kế toán tài chính		Quản trị kinh doanh
737	Hoàng Thùy Dương		Đại học	Sư phạm toán học		Kỹ thuật phần mềm
738	Lê Thùy Trang		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
739	Đào Duy Tuấn		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
740	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
741	Đinh Đức Mạnh		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý		Công nghệ thông tin
742	Trần Thủy Tiên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
743	Nguyễn Trần Phước Bảo		Thạc sĩ	Tài chính và thương mại quốc tế		Công nghệ thông tin
744	Trần Tuấn Anh		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
745	Phùng Thị Hà		Thạc sĩ	Vật lý		Công nghệ thông tin
746	Đặng Kim Thi		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
747	Phan Mai Chi		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Thiết kế đồ họa
748	Đoàn Thị Thanh Hương		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị khách sạn
749	Nguyễn Thu Hằng		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
750	Lê Hữu Đốc		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
751	Nguyễn Hoàng Thảo		Thạc sĩ	Quan hệ công chúng		Truyền thông đa phương tiện
752	Nguyễn Trung Kiên		Đại học	Tài chính ngân hàng		Công nghệ thông tin
753	Trần Duy Phong		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
754	Phạm Thanh Tâm		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế		Quản trị kinh doanh
755	Nguyễn Thị Lựu		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
756	Phạm Thị Thủy Triều		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
757	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Ngôn ngữ Anh
758	Lê Quang Dũng		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
759	Trần Hà Linh		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh		Công nghệ thông tin
760	Kiều Văn Nam		Thạc sĩ	Chính trị học		Công nghệ thông tin
761	Tạ Thanh Huyền		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Nhật
762	Trần Văn Hà		Tiến sĩ	H.thống thông tin&truyền thông		Công nghệ thông tin
763	Phạm Quang Khang		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Công nghệ thông tin
764	Mai Tuấn Anh		Thạc sĩ	Điện tử viễn thông		Công nghệ thông tin
765	Tạ Thị Thảo Quyên		Thạc sĩ	Quản Trị Kinh Doanh		Công nghệ thông tin
766	Đặng Lâm Ngọc Diệu		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác		Công nghệ thông tin
767	Nguyễn Xuân Huy	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
768	Vũ Thu Chinh		Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
769	Ninh Thị Hà		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
770	Lại Minh Đăng		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
771	Võ Thành Cảnh		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
772	Nguyễn Phạm Hoàng Huy		Đại học	Nuôi trồng thủy sản		Quản trị kinh doanh
773	Trịnh Phương Anh		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Công nghệ thông tin
774	Nguyễn Hạnh Nguyên		Thạc sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
775	Lê Phát Minh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
776	Vũ Diệu Thúy		Thạc sĩ	Marketing		Quản trị kinh doanh
777	Phan Đình Hải		Đại học	Huấn luyện thể thao		Công nghệ thông tin
778	Nguyễn Thị Thanh Xuân		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
779	Nguyễn Thị Thùy Trang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
780	Nguyễn Quang Hưng		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
781	Phan Thị Thuận	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
782	Phan Trường Lâm		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
783	Trần Thị Hường		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
784	Nguyễn Duy Hồng		Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý		Quản trị kinh doanh
785	Nguyễn Thúy Hường		Thạc sĩ	Xử Lý Thông Tin		Công nghệ thông tin
786	Phạm Hương Giang		Thạc sĩ	Kỹ thuật tự động hóa		Công nghệ thông tin
787	Ngô Trần Thái Dương		Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
788	Nguyễn Hùng Dũng		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
789	Nguyễn Trung Kiên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
790	Hoàng Thị Cúc Phương		Thạc sĩ	Thiết Kế Web		Công nghệ thông tin
791	Trần Thị Thu	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
792	Vũ Khắc Kỳ		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học máy tính
793	Nguyễn Đình Chi		Tiến sĩ	Kỹ thuật thông tin và truyền thông		Công nghệ thông tin
794	Lê Hải Việt Hoàng		Thạc sĩ	Kiến trúc		Công nghệ thông tin
795	Bùi Thị Trang		Thạc sĩ	Lịch sử		Công nghệ thông tin
796	Trần Công Mua		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
797	Đỗ Công Hùng		Tiến sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
798	Nguyễn Tấn Phúc		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
799	Trần Hữu Thiện		Đại học	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
800	Mai Anh Duy		Thạc sĩ	Tiếp thị & hoạt động thương mại		Công nghệ thông tin
801	Vũ Thị Tuyết Mai		Thạc sĩ	Toán ứng dụng		Công nghệ thông tin
802	Hà Tú Anh		Thạc sĩ	Sư phạm tiếng Anh		Công nghệ thông tin
803	Mai Phương Thảo		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác		Công nghệ thông tin
804	Nguyễn Thị Phương Linh		Đại học	Sư phạm tiếng Anh		Công nghệ thông tin
805	Dương Trọng Phú Sơn		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
806	Phùng Tấn Việt		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
807	Văn Ngọc Quỳnh Như		Thạc sĩ	Quản trị KD du lịch-khách sạn		Quản trị khách sạn

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
808	Phạm Văn Vững		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
809	Đỗ Bảo Châu		Thạc sĩ	Toán ứng dụng		Công nghệ thông tin
810	Hà Thị Vân Anh		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Quản trị kinh doanh
811	Lê Thị Kim Thu		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng		Quản trị kinh doanh
812	Trần Đình Trí		Tiến sĩ	Vật lý		Công nghệ thông tin
813	Lê Thị Phương Anh		Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý		Công nghệ thông tin
814	Trần Minh Hùng		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
815	Bùi Thị Thu Huyền		Thạc sĩ	Khách sạn và du lịch		Quản trị kinh doanh
816	Nguyễn Tuấn Duy		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
817	Trần Thị Thuý Vân		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh		Công nghệ thông tin
818	Trần Thị Huyền Trang		Thạc sĩ	Sư phạm âm nhạc		Công nghệ thông tin
819	Đinh Quang Ty		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
820	Nguyễn Thị Dung		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Trung		Công nghệ thông tin
821	Nguyễn Như Nguyệt		Thạc sĩ	Âm nhạc		Công nghệ thông tin
822	Trần Thị Thu Hằng		Thạc sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
823	Phạm Thị Hồng Anh		Thạc sĩ	Khách sạn và du lịch		Quản trị khách sạn
824	Huỳnh Minh Tâm		Thạc sĩ	Sư phạm tiếng Anh		Công nghệ thông tin
825	Lê Thị Bảo Châu		Đại học	Giáo dục thể chất		Quản trị kinh doanh
826	Lưu Thị Hiền		Đại học	Thiết kế đồ họa		Công nghệ thông tin
827	Đào Thị Mộng Hiền		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
828	Lâm Thị Mỹ Linh		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
829	Lương Minh Việt		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
830	Đặng Tuấn Anh		Đại học	Kỹ thuật in		Công nghệ thông tin
831	Hà Tuấn Anh		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
832	Đỗ Thị Thu		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
833	Nguyễn Thị Dương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
834	Bùi Lê Thùy Trang		Thạc sĩ	Quản Trị Dự Án		Quản trị kinh doanh
835	Trương Ánh Tuyết		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
836	Nguyễn Trí Thông		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
837	Nguyễn Duyên Linh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
838	Nguyễn Thanh Đức	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
839	Phùng Thế Lập		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
840	Nguyễn Văn Đường		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ thông tin
841	Lê Thanh Hải		Thạc sĩ	Thương mại		Quản trị kinh doanh
842	Trần Quốc Duy		Tiến sĩ	Toán giải tích		Công nghệ thông tin
843	Nguyễn Thị Hồng Lan		Thạc sĩ	Marketing		Quản trị kinh doanh
844	Lê Thị Vân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
845	Lê Phương Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
846	Ngô Hà Trang		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế		Ngôn ngữ Nhật
847	Bùi Thiên Sơn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
848	Nguyễn Hoàng Tuấn Anh		Thạc sĩ	Toán ứng dụng		Kỹ thuật phần mềm
849	Huỳnh Ngọc Đông Giao		Thạc sĩ	Quản trị Truyền thông		Công nghệ thông tin
850	Tổng Ngọc Hoa		Đại học	Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
851	Dương Phương Linh		Thạc sĩ	Luật		Công nghệ thông tin
852	Đỗ Văn Phú		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
853	Hoàng Thị Thùy Linh		Đại học	Sư phạm tiếng Anh		Công nghệ thông tin
854	La Thị Vân		Tiến sĩ	Quản lý		Quản trị kinh doanh
855	Khuất Thị Hoa		Thạc sĩ	Tâm lý học		Công nghệ thông tin
856	Vi Văn Vương		Đại học	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống		Công nghệ thông tin
857	Phạm Văn Lâm		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
858	Nguyễn Thiện Vũ		Đại học	Thiết kế đa phương tiện		Công nghệ thông tin
859	Trương Đình Trang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
860	Đỗ Thị Cẩm Thủy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
861	Vương Nam Đàn		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
862	Vũ Thị Hương Quỳnh		Đại học	Sư phạm toán học		Quản trị kinh doanh
863	Phan Nguyễn Quốc Thắng		Thạc sĩ	Quản trị KD du lịch-khách sạn		Quản trị khách sạn
864	Phạm Phương Anh		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác		Công nghệ thông tin
865	Lê Văn Mạnh		Thạc sĩ	LT xác suất & thống kê Toán		Công nghệ thông tin
866	Trần Thị Chung Toàn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Lý luận ngôn ngữ		Ngôn ngữ Nhật

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
867	Lê Tất Nguyên Khang		Thạc sĩ	Lý luận & LS Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin
868	Đinh Nguyên Độ		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh		Công nghệ thông tin
869	Hồ Thị Hải Yến		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
870	Tạ Trung Nam		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
871	Trần Minh Phú		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
872	Nguyễn Văn Sa		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Công nghệ thông tin
873	Nguyễn Thu Giang		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Quản trị kinh doanh
874	Vũ Thanh Loan		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
875	Lê Trọng Đạt		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
876	Nguyễn Thị Thu Huyền		Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực		Công nghệ thông tin
877	Trần Việt Hà		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
878	Nguyễn Trọng Thức		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
879	Lê Thu Hằng		Thạc sĩ	Khoa học quản lý		Quản trị kinh doanh
880	Lê Văn Thuận		Đại học	Lâm nghiệp xã hội		Công nghệ thông tin
881	Đỗ Thị Phương Thúy		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
882	Phạm Thị Vân Anh		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
883	Trần Ngọc Sơn		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
884	Nguyễn Văn Bình		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị		Ngôn ngữ Nhật
885	Nguyễn Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
886	Nguyễn Việt Tiến		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
887	Đặng Huỳnh Kim Long		Đại học	Hệ thống thông tin kinh tế		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
888	Hà Tú Anh		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
889	Phạm Ngọc Thọ		Thạc sĩ	An toàn thông tin		An toàn thông tin
890	Trần Thị Loan		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
891	Lê Thu Hằng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
892	Tạ Duy		Thạc sĩ	Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
893	Đào Thị Thanh		Thạc sĩ	KH Máy tính&Kỹ thuật thông tin		Công nghệ thông tin
894	Phan Thị Thức		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Kỹ thuật phần mềm
895	Khuất Đức Anh		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Công nghệ thông tin
896	Lê Triệu Yên		Đại học	Luật		Công nghệ thông tin
897	Bùi Thị Quỳnh		Đại học	Sư phạm hoá học		Quản trị kinh doanh
898	Đàm Phương Liên		Tiến sĩ	Marketing và Du lịch		Quản trị kinh doanh
899	Phan Trung Chính		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
900	Nguyễn Văn Thiện		Tiến sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
901	Nguyễn Thị Phương Anh		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
902	Lê Lan Ngọc		Thạc sĩ	Quảng cáo & quan hệ công chúng		Ngôn ngữ Anh
903	Hoàng Việt Hà		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
904	Trần Anh Thư		Thạc sĩ	Châu Á học		Ngôn ngữ Nhật
905	Nguyễn Thị Nhài		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
906	Lê Hải Yến		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
907	Trần Thanh Hải		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
908	Nguyễn Phát Tài		Đại học	Điện - Điện tử		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
909	Tạ Đình Tiến		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
910	Hồ Trung Chánh		Thạc sĩ	NN học lý luận, mô tả & tự động		Ngôn ngữ Anh
911	Trần Thùy Dương		Thạc sĩ	Truyền thông		Truyền thông đa phương tiện
912	Nguyễn Đình Sơn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
913	Trương Ngọc Thịnh		Thạc sĩ	Thị trường tài chính quốc tế		Quản trị kinh doanh
914	Vũ Bích Hạnh		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Nhật		Ngôn ngữ Nhật
915	Ngô Thị Thúy An		Thạc sĩ	Kinh tế		Công nghệ thông tin
916	Phan Thành Trung		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
917	Phan Đình Trâm Anh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
918	Hồ Hoàn Kiếm		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
919	Nguyễn Thị Thới		Thạc sĩ	Quản trị chiến lược		Ngôn ngữ Anh
920	Nguyễn Thu Hương		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Quản trị kinh doanh
921	Nguyễn Mạnh Nguyên		Thạc sĩ	Thông tin học		Kỹ thuật phần mềm
922	Phạm Văn Quỳnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
923	Hứa Quốc Thuận		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng		Công nghệ thông tin
924	Đinh Thị Hải Hà		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
925	Phạm Thị Thanh Hoa		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Nhật		Ngôn ngữ Nhật
926	Đỗ Thái Giang		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
927	Đỗ Thu Trang		Thạc sĩ	Kế toán tài chính		Quản trị kinh doanh
928	Hoàng Bảo Long		Thạc sĩ	CNTT - Truyền thông tương tác		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
929	Phạm Duy Việt		Thạc sĩ	Hóa học		Công nghệ thông tin
930	Lê Thu Trang		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Quản trị kinh doanh
931	Đoàn Thị Giang		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
932	Trịnh Hữu Minh		Thạc sĩ	Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin
933	Phạm Lan Anh		Đại học	Văn học		Quản trị kinh doanh
934	Đoàn Thị Thu Hà	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học quản lý		Quản trị kinh doanh
935	Hoàng Ngọc Minh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
936	Phạm Thị Như Quỳnh		Đại học	Quản trị kinh doanh		Kỹ thuật phần mềm
937	Phan Thị Lệ Thuỳ		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
938	Phùng Kim Anh		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
939	Nguyễn Hạnh An		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh		Công nghệ thông tin
940	Phan Thị Nga		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
941	Hoàng Huy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
942	Nguyễn Thị Trang		Thạc sĩ	Lịch sử		Công nghệ thông tin
943	Nguyễn Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
944	Tổng Phước Quan		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
945	Trần Thanh Thùy		Thạc sĩ	Khoa học Kinh tế & QTKD		Quản trị kinh doanh
946	Vũ Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Tài chính đầu tư		Quản trị kinh doanh
947	Trịnh Thanh Huyền		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
948	Đào Thị Thu Giang		Đại học	Sư Phạm Anh Văn		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
949	Phan Minh Tâm		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
950	Trần Đăng Bảo Trân		Thạc sĩ	Quản lý		Công nghệ thông tin
951	Nguyễn Hoài Linh		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
952	Lê Thị Thanh Hà		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
953	Phạm Đức Thắng		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
954	Nguyễn Thị Hồng Chi		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
955	Thân Văn Sử		Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
956	Phạm Công Minh		Đại học	Giáo dục thể chất		Ngôn ngữ Nhật
957	Kiều Hoàng Long		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Công nghệ thông tin
958	Bùi Duy Linh		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
959	Nguyễn Quốc Trung		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
960	Nguyễn Thị Hằng		Thạc sĩ	Vật lý		Công nghệ thông tin
961	Lý Thị Cẩm Linh		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
962	Nguyễn Thị Hoài		Đại học	Sư phạm giáo dục thể chất		Công nghệ thông tin
963	Cécile Ngọc Sương Perdu		Thạc sĩ	Kiến Trúc		Công nghệ thông tin
964	Trần Huyền Thanh		Đại học	Thiết kế đồ họa		Công nghệ thông tin
965	Bùi Trinh		Tiến sĩ	Toán Kinh tế		Quản trị kinh doanh
966	Phùng Thị Hương Thảo		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
967	Trần Quý Ban		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Công nghệ thông tin
968	Dương Ngọc Sơn		Thạc sĩ	Quản lý dự án		Quản trị kinh doanh
969	Hoàng Vũ Quốc Anh		Thạc sĩ	Truyền thông&quan hệ công chúng		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
970	Phạm Thị Mỹ Dung		Thạc sĩ	Giáo dục&Phát triển cộng đồng		Công nghệ thông tin
971	Đỗ Phương Thảo		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
972	Trần Ngọc Khánh Vy		Tiến sĩ	Kế toán tài chính		Quản trị kinh doanh
973	Hồ Minh Thu		Thạc sĩ	Du lịch		Ngôn ngữ Anh
974	Vũ Duy Định		Thạc sĩ	Kỹ thuật Hạ tầng đô thị		Kỹ thuật phần mềm
975	Đặng Thanh Bình		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
976	Cao Mạnh Tiến		Thạc sĩ	Nghệ thuật Điện ảnh-Truyền hình		Công nghệ thông tin
977	Lê Minh Đức		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
978	Nguyễn Thị Thu Nga		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
979	Tạ Văn Khoái		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
980	Nguyễn Thị Hồng Nhung		Đại học	Văn học		Quản trị kinh doanh
981	Ngô Thị Mai Loan		Thạc sĩ	Điện tử viễn thông		Công nghệ thông tin
982	Nguyễn Hoài Vũ		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
983	Vũ Công Ty	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
984	Lê Tố Hoa		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
985	Nguyễn Thị Bích Liên		Đại học	Mỹ thuật công nghiệp đồ họa		Công nghệ thông tin
986	Lê Đình Ngọc Hoàn		Thạc sĩ	Đàn Nguyệt		Công nghệ thông tin
987	Ngô Minh Quý		Đại học	Thiết kế đồ họa		Công nghệ thông tin
988	Thái Thanh Bảy		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
989	Trần Anh Khoa		Thạc sĩ	Mỹ thuật đa phương tiện		Thiết kế đồ họa

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
990	Quảng Trung Hiếu		Thạc sĩ	Quản trị DL nhà hàng khách sạn		Quản trị khách sạn
991	Kiều Thị Yến		Đại học	Báo chí		Quản trị kinh doanh
992	Nguyễn Thị Hải Năng		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
993	Nguyễn Thị Phương Loan		Thạc sĩ	Tài chính		Công nghệ thông tin
994	Lê Phú Nguyên		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ thông tin
995	Trần Thị Hải Yến		Thạc sĩ	Thương mại		Quản trị kinh doanh
996	Chữ Lan Phương		Tiến sĩ	Luật		Quản trị kinh doanh
997	Nguyễn Thị Ngọc Chinh		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
998	Nguyễn Thúy Quỳnh		Đại học	Sư phạm hoá học		Kỹ thuật phần mềm
999	Nguyễn Tất Trung		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kỹ thuật phần mềm
1000	Bùi Vũ Huỳnh Sang		Đại học	Quy hoạch Vùng và Đô thị		Công nghệ thông tin
1001	Vương Minh Tuấn		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
1002	Bùi Thị Bảo Trân		Đại học	Quản trị du lịch khách sạn		Công nghệ thông tin
1003	Nguyễn Cường		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Nhật		An toàn thông tin
1004	Vũ Việt Nga		Tiến sĩ	Điện tử viễn thông		Công nghệ thông tin
1005	Lê Thị Thu Lan		Thạc sĩ	Quản lý thông tin		Công nghệ thông tin
1006	Phùng Duy Khương		Tiến sĩ	Vật lý		Công nghệ thông tin
1007	Vũ Chí Thành		Thạc sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
1008	Bùi Lê Nhật Minh		Đại học	Giáo dục thể chất		Công nghệ thông tin
1009	Nguyễn Minh Kiên		Thạc sĩ	Thiết kế mỹ thuật công nghiệp		Thiết kế đồ họa
1010	Nguyễn Thị Ngọc Tuyên		Thạc sĩ	Chuyên ngành lý luận và lịch sử mỹ		Thiết kế đồ họa

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
				thuật ứng dụng		
1011	Nguyễn Dương Quỳnh Trang		Thạc sĩ	Vật lý		Quản trị kinh doanh
1012	Đặng Ngọc Điệp		Đại học	Sư phạm thể dục thể thao		Công nghệ thông tin
1013	Hồ Yên Thục		Thạc sĩ	Lãnh đạo và Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
1014	Nguyễn Hoàng Thanh		Đại học	Sư phạm toán học		Quản trị kinh doanh
1015	Hà Vĩ Hùng		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
1016	Võ Hồng Khanh		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
1017	Phan Nguyễn Hoài Sang		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
1018	Lý Ánh Dương		Thạc sĩ	Toán giải tích		Công nghệ thông tin
1019	Nguyễn Thị Thu Lan		Tiến sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Anh
1020	Bùi Thị Thanh Hương		Thạc sĩ	Định hình phong cách thời trang		Công nghệ thông tin
1021	Bùi Thị Hạnh Thảo		Thạc sĩ	Quản lý bán lẻ và Marketing		Quản trị kinh doanh
1022	Phan Chí Trứ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Công nghệ thông tin
1023	Trần Thị Hợp		Thạc sĩ	Sư phạm tiếng Trung		Công nghệ thông tin
1024	Lê Huỳnh Quốc Bảo		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
1025	Huỳnh Công Tước		Thạc sĩ	Ngành biến động quần thể sinh vật biển		Công nghệ thông tin
1026	Trần Diệu Huyền		Thạc sĩ	Truyền thông và Phát triển		Truyền thông đa phương tiện
1027	Lê Anh Ngọc		Tiến sĩ	Điện tử		Công nghệ thông tin
1028	Trần Thị Lệ Quyên		Thạc sĩ	Thiết kế tương tác		Thiết kế đồ họa

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1029	Vũ Thị Thanh Thủy		Tiến sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh
1030	Nguyễn Thu Thủy		Thạc sĩ	Âm nhạc		Công nghệ thông tin
1031	Phạm Tùng Dương		Đại học	Tin học ứng dụng		Công nghệ thông tin
1032	Nguyễn Hoàng Yến		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		Thiết kế đồ họa
1033	Ngô Duy Cường		Thạc sĩ	Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin
1034	Phạm Ngọc Hà		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
1035	Doãn Trung Tùng		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
1036	Nguyễn Xuân Nhi		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
1037	Phạm Ngọc Bình		Đại học	Tâm lý học		Công nghệ thông tin
1038	Phạm Hùng Quý	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
1039	Nguyễn Thành Tâm		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
1040	Chu Đình Phú		Thạc sĩ	Kinh tế		Công nghệ thông tin
1041	Nguyễn Thị Hồng Phương		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Công nghệ thông tin
1042	Lê Văn Tư		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
1043	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
1044	Nguyễn Phương Tú		Thạc sĩ	Marketing		Quản trị kinh doanh
1045	Nguyễn Thanh Tú		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
1046	Phạm Phương Nhi		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Kỹ thuật phần mềm
1047	Huỳnh Tấn Hội		Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
1048	Tạ Thị Mai		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Kỹ thuật phần mềm

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1049	Hà Nguyên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
1050	Lê Thị Minh Sang		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
1051	Nguyễn Tuấn Ngọc		Đại học	Mỹ thuật công nghiệp		Công nghệ thông tin
1052	Nguyễn Văn Hoàng		Tiến sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
1053	Nguyễn Thị Huyền		Thạc sĩ	Sư phạm Nhật ngữ		Công nghệ thông tin
1054	Nguyễn Thế Lâm Tùng		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử		Công nghệ thông tin
1055	Phạm Tuấn Anh		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Ngôn ngữ Anh
1056	Phạm Thị Lan		Đại học	Đàn Nhị		Kỹ thuật phần mềm
1057	Lê Hải Sơn		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
1058	Tân Văn Sơn		Đại học	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
1059	Nguyễn Anh Dũng		Đại học	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
1060	Trần Thị Bích Hồng		Đại học	Nhạc cụ truyền thống		Kỹ thuật phần mềm
1061	Trịnh Quang Hòa		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
1062	Lữ Thanh Xuân		Thạc sĩ	Công tác xã hội		Quản trị kinh doanh
1063	Nguyễn Thị Hồng Nhung		Thạc sĩ	Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
1064	Hoàng Anh Tuấn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
1065	Đỗ Minh Tuấn		Thạc sĩ	Kinh tế thương mại		Quản trị kinh doanh
1066	Đinh Thành Trung		Tiến sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
1067	Lê Thị Thanh Tân		Thạc sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
1068	Nguyễn Thị Hương		Thạc sĩ	Quản trị		Quản trị kinh doanh
1069	Lê Việt Bách		Thạc sĩ	Kỹ sư Tài chính		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1070	Dư Tiểu Dương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
1071	Trần Văn Thện		Đại học	Tin học		Công nghệ thông tin
1072	Lê Văn Hùng		Đại học	Ngoại ngữ - Tiếng Pháp		Công nghệ thông tin
1073	Nguyễn Thị Ánh Ngọc		Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Trung		Công nghệ thông tin
1074	Đoàn Xuân Huy Minh		Tiến sĩ	Quản trị thông tin		Công nghệ thông tin
1075	Lê Quang Vinh		Thạc sĩ	Việt Nam Học		Quản trị khách sạn
1076	Nguyễn Nam Cường		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Ngôn ngữ Hàn Quốc
1077	Trần Mai Phương		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
1078	Nguyễn Duy Nghiêm		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin		Kỹ thuật phần mềm
1079	Nguyễn Tuấn Thanh		Thạc sĩ	Quản trị DV du lịch & lữ hành		Quản trị khách sạn
1080	Nguyễn Tân Ân	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
1081	Phạm Thị Hòa		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
1082	Lê Hồng Kỳ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
1083	Trần Minh Tùng		Thạc sĩ	Truyền thông		Truyền thông đa phương tiện
1084	Đỗ Kim Thùy		Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Ngôn ngữ Anh
Tổng số giảng viên toàn trường						1084

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG THAM GIA GIẢNG DẠY VÀ TÍNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Trần Thị Bạch Yến			Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Quản trị kinh doanh
2	Nguyễn Trọng Dũng			Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Quản trị kinh doanh
3	Phạm Duy Anh			Thạc sĩ	Quản lý Truyền thông		Quản trị kinh doanh
4	Nguyễn Thị Hạnh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
5	Thạch Đỗ Anh			Thạc sĩ	Logistics và Chuỗi cung ứng		Quản trị kinh doanh
6	Nguyễn Nhựt Minh			Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Ngôn ngữ Anh
7	Nguyễn Thị Kim Sang			Thạc sĩ	Lí Luận & Phương Pháp Giảng Dạy Bộ Môn Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
8	Phạm Thị Ngọc Liên			Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
9	Bành Bảo Ngọc			Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
10	Trương Đăng Khoa			Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác		Công nghệ thông tin
11	Phan Tú Trinh			Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
12	Nguyễn Tường Vy			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
13	Hoàng Quốc Bảo			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Công nghệ thông tin
14	Trương Thị Hoàng Liên			Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
15	Trần Thị Kim Trang			Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
16	Trần Thị Mai			Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
17	Vũ Thanh Ngân			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
18	Phạm Thị Tường Vi			Thạc sĩ	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		Công nghệ thông tin
19	Hoàng Thị Hằng			Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
20	Đỗ Mạnh Thái			Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
21	Nguyễn Thanh Sơn			Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
22	Ngô Quang Huy			Tiến sĩ	Khoa học Kinh tế & QTKD		Quản trị kinh doanh
23	Lê Nguyễn Ngọc Hiền			Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
24	Lê Thị Thùy Trang			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Công nghệ thông tin
25	Phan Anh Tú			Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế và kinh doanh		Quản trị kinh doanh
26	Ngô Mỹ Trân			Tiến sĩ	Kinh tế ứng dụng		Quản trị kinh doanh
27	Nguyễn Tấn Tài			Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh
28	Trần Ngọc Bảo Châu			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		Công nghệ thông tin
29	Tô Mỹ Viện			Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
30	Nguyễn Thị Ngọc Sương			Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Ngôn ngữ Anh
31	Nguyễn Thị Phương Lan			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
32	Đỗ Minh Ngọc			Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế		Kinh doanh quốc tế
33	Lê Đan			Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Ngôn ngữ Anh
34	Phạm Quang Tín			Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
35	Trần Xuân Quỳnh			Tiến sĩ	Quản lý		Quản trị kinh doanh
36	Bùi Thị Thanh Thanh			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
37	Dương Khánh Vinh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
38	Nguyễn Quốc Cường			Tiến sĩ	Khoa học quản lý		Quản trị kinh doanh
39	Phạm Ngọc Dương			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
40	Nguyễn Phong Lan			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		Thiết kế đồ họa
41	Võ Minh Hiếu			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
42	Hồ Đắc Hưng			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
43	Phạm Đào Minh Vũ			Thạc sĩ	Tin học		Công nghệ thông tin
44	Trần Hồ Thủy Tiên			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
45	Võ Hoàng Duy			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh		Quản trị kinh doanh
46	Vũ Thanh Hiền			Tiến sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
47	Trần Thị Oanh			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
48	Xa Doãn Hồng Lợi			Thạc sĩ	Biểu diễn Đàn tranh		Công nghệ thông tin
49	Ngô Quốc Anh			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
50	Huỳnh Hữu Hưng			Tiến sĩ	Tin học		Công nghệ thông tin
51	Cung Thị Ánh Ngọc			Thạc sĩ	Thương mại		Quản trị kinh doanh
52	Ngô Hải Anh			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
53	Nguyễn Thanh Tùng			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
54	Lê Thị Thủy			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
55	Nguyễn Văn Tiến			Thạc sĩ	Toán giải tích		Quản trị kinh doanh
56	Đinh Tiến Thành			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
57	Lê Tú Anh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
58	Hồ Kim Cường			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
59	Vũ Văn Thiệu			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
60	Lương Duy Hiếu			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
61	Đỗ Hồng Quân			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
62	Trần Đình Quế		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
63	Bùi Thị Quỳnh Giao			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
64	Bùi Thị Oanh			Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
65	Đinh Huyền Phương			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Nhật		Ngôn ngữ Nhật
66	Cao Văn Kiên			Tiến sĩ	Toán ứng dụng		Công nghệ thông tin
67	Phạm Yến Nhi			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
68	Nguyễn Thắng Lợi			Thạc sĩ	Logistics và Chuỗi cung ứng		Quản trị kinh doanh
69	Đoàn Duy Bình			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
70	Ngô Thị Thúy Anh			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
71	Nguyễn Khánh An			Thạc sĩ	PP giảng dạy CN Sáo trúc		Ngôn ngữ Hàn Quốc
72	Lý Kính Hiền			Thạc sĩ	Hàn Quốc Học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
73	Đào Thị Thúy Quỳnh			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
74	Lê Hà Châu			Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Ngôn ngữ Anh
75	Nguyễn Thái Nghe			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
76	Thân Hồng Phúc			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
77	Lương Bá Hùng			Thạc sĩ	TESOL		Quản trị kinh doanh
78	Hồ Tuấn Dũng			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
79	Dương Thị Phụng			Tiến sĩ	Triết học		Công nghệ thông tin
80	Châu Thị Lệ Duyên			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
81	Hoàng Văn Tường			Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
82	Nguyễn Đức Lợi			Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
83	Đào Thị Hồng Vân			Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Ngôn ngữ Anh
84	Lưu Nhật Lan			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
85	Nguyễn Trung Kiên			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
86	Nguyễn Văn Cao			Đại học	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
87	Phạm Thị Mai Phương			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Quản trị kinh doanh
88	Lê Đức Hoài Ân			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
89	Lâm Nhật Khang			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
90	Vương Thị Nhung			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
91	Nguyễn Thanh Hải			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
92	Thảm Thúy Hồng			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Nhật		Ngôn ngữ Nhật
93	Nguyễn Xuân Hải Yến			Thạc sĩ	Sư phạm tiếng Trung		Quản trị kinh doanh
94	Phan Đình Ván			Tiến sĩ	Quản trị thông tin		Công nghệ thông tin
95	Nguyễn Hữu Nam Phúc			Thạc sĩ	Quản trị doanh nghiệp		Quản trị kinh doanh
96	Nguyễn Thanh Phước			Thạc sĩ	Tin học		Công nghệ thông tin
97	Nguyễn Thị Cẩm Ngan			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
98	Lê Thị Long Châu			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
99	Phạm Tú Ngọc			Thạc sĩ	Thiết kế		Công nghệ thông tin
100	Đào Thị Thanh Hà			Thạc sĩ	Tr.Thông & Ph.tiện truyền thông		Quản trị kinh doanh
101	Mai Thanh Tâm			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
102	Nguyễn Ngọc Quý			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
103	Nguyễn Thành Thủy			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
104	Lê Thị Trúc Mai			Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Ngôn ngữ Anh
105	Nguyễn Thị Phương			Thạc sĩ	Tâm lý học		Quản trị kinh doanh
106	Đoàn Đức Phúc			Thạc sĩ	Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin
107	Lê Thị Việt Hà			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
108	Nguyễn Văn Thắng			Thạc sĩ	Công nghệ Điện tử - Viễn thông		Công nghệ thông tin
109	Luyện Thu Trang			Thạc sĩ	Thiết kế Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
110	Phạm Thị Mỹ Dung			Thạc sĩ	Khoa học giáo dục		Quản trị kinh doanh
111	Đỗ Tiến Thành			Thạc sĩ	Quản lý dự án Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
112	Ban Hà Bằng			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học máy tính
113	Phạm Bình Dương			Tiến sĩ	Báo chí		Quản trị kinh doanh
114	Đặng Quang Long			Thạc sĩ	Toán học		Quản trị kinh doanh
115	Nguyễn Đông Kỳ			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
116	Trần Đình Long			Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Công nghệ thông tin
117	Võ Thái Nhựt			Thạc sĩ	Quản trị du lịch		Ngôn ngữ Hàn Quốc
118	Hoàng Thanh Tùng			Thạc sĩ	Kỹ thuật máy tính		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
119	Trần Thị Thu Hà			Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Công nghệ thông tin
120	Huỳnh Nam			Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
121	Trần Liên Hồng Nhung			Thạc sĩ	Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin
122	Huỳnh Bá Việt			Thạc sĩ	Ngành đổi mới Kỹ thuật số		Công nghệ thông tin
123	Lê Phạm Khánh Hòa			Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý		Quản trị kinh doanh
124	Lê Tiến Đạt			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
125	Trần Thế Vũ			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
126	Thiều Hà Quang Nghĩa			Thạc sĩ	Nghệ thuật Điện ảnh-Truyền hình		Công nghệ thông tin
127	Nguyễn Thùy Linh			Thạc sĩ	Thiết kế Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
128	Thái Minh Tuấn			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
129	Trần Đắc Tốt			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
130	Bùi Mạnh Tiến			Đại học	Công nghệ thông tin-QTrị mạng		Công nghệ thông tin
131	Nguyễn Thị Thanh Hiền			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
132	Hồ Thị Kim Huệ			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
133	Nguyễn Quang Hưng			Thạc sĩ	Tài chính định lượng		Quản trị kinh doanh
134	Quách Thanh Trúc			Thạc sĩ	Quản lý quốc tế		Quản trị kinh doanh
135	Vương Trọng Đức			Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
136	Nguyễn Văn Chúc			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
137	Trương Thị Như Duyên			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
138	Kiều Thủy Tiên			Thạc sĩ	Quản trị Du lịch và Khách sạn		Ngôn ngữ Nhật
139	Hà Mạnh Hùng			Tiến sĩ	Điện ĐTử-Trí tuệ nhân		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
					tạo&Robot		
140	Lê Thanh Quang			Thạc sĩ	Kỹ thuật máy tính		Công nghệ thông tin
141	Trần Thu Thủy			Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
142	Trương Thu Thủy			Thạc sĩ	Công tác xã hội		Quản trị kinh doanh
143	Lê Thị Bích Khoa			Thạc sĩ	Tin học hình ảnh và ngôn ngữ		Công nghệ thông tin
144	Lê Minh Tuấn			Tiến sĩ	Công nghệ phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
145	Bùi Trường Huy			Thạc sĩ	Vẽ ảnh 3D trên máy tính		Công nghệ thông tin
146	Nguyễn Văn Sơn			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
147	Nguyễn Tiến Mạnh			Tiến sĩ	Quảng cáo		Công nghệ thông tin
148	Nguyễn Đình Trần Long			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
149	Phạm Xuân Hùng			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
150	Đỗ Xuân Chợt			Tiến sĩ	Khoa học		Công nghệ thông tin
151	Bùi Thị Thúy Minh			Thạc sĩ	Văn học TQ hiện đại & đương đại		Quản trị kinh doanh
152	Lại Mạnh Dũng			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
153	Huỳnh Thanh Tân			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
154	Lê Thị Thu Nga			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
155	Va Thái Như Phương			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
156	Nguyễn Thị Diệu Hào			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
157	Phạm Tùng Dương			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
158	Nguyễn Phạm Tuấn Anh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
159	Tô Thị Kim Hồng			Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
160	Nguyễn Thị Mỹ Lang			Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ thông tin
161	Lê Thị Hồng Thom			Thạc sĩ	Toán học		Quản trị kinh doanh
162	Trần Duy Chung			Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử		Công nghệ thông tin
163	Trần Hoàng Hạnh			Thạc sĩ	Lịch sử		Công nghệ thông tin
164	Lê Văn Hà			Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
165	Đoàn Thị Hồng Lư			Thạc sĩ	Văn hóa học		Thiết kế đồ họa
166	Hà Văn Cử			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
167	Nguyễn Thị Phương Dung			Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế		Công nghệ thông tin
168	Cao Thùy Linh			Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế
169	Phạm Ngọc Huy			Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
170	Nguyễn Lê Lộc Tiên			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
171	Bùi Hữu Phúc			Đại học	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
172	Trần Thị Kim Khánh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
173	Nguyễn Ngọc Tú			Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
174	Nguyễn Phú Cường			Thạc sĩ	Khoa học giáo dục		Quản trị kinh doanh
175	Nguyễn Lê Duy			Thạc sĩ	Thiết kế mỹ thuật công nghiệp		Công nghệ thông tin
176	Võ Đức Hoàng			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
177	Trần Văn Khuê			Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh		Quản trị kinh doanh
178	Nguyễn Gia Hưng			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
179	Nguyễn Thị Thanh Huyền			Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
180	Phạm Ngọc Giao			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
181	Nguyễn Lan Anh			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
182	Phan Quế Anh			Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Anh
183	Đào Trọng Khôi			Thạc sĩ	Luật quốc tế		Quản trị kinh doanh
184	Trần Đình Thành			Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Quản trị kinh doanh
185	Lâm Hồng Chi			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
186	Võ Thanh Duy			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
187	Hoàng Nhạc Trung			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
188	Tôn Văn Trang			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
189	Hoàng Thị Thu Phương			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
190	Hoàng Tùng			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
191	Nguyễn Xuân Phú			Thạc sĩ	Kỹ thuật Thông tin viễn thông		Công nghệ thông tin
192	Hoàng Tùng			Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số		Quản trị kinh doanh
193	Nguyễn Đức Ngà			Thạc sĩ	Toán học		Quản trị kinh doanh
194	Trần Thị Huệ			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
195	Nguyễn Văn Hiên			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
196	Đặng Trần Long			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
197	Nguyễn Minh Công			Thạc sĩ	Toán học		Quản trị kinh doanh
198	Trịnh Thị Vân Anh			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
199	Trần Nguyên Hoàng			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
200	Hà Khánh Toàn			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
201	Nguyễn Lê Thu			Tiến sĩ	Luật		Quản trị kinh doanh
202	Lưu Thị Kim Thanh			Thạc sĩ	TESOL		Ngôn ngữ Anh
203	Nguyễn Thị Thanh Nhân			Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		Quản trị kinh doanh
204	Đinh Diệu Hằng			Tiến sĩ	Toán giải tích		Quản trị kinh doanh
205	Nguyễn Thị Xuân Thu			Thạc sĩ	Chủ nghĩa Xã hội khoa học		Công nghệ thông tin
206	Phan Đặng My Phương			Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
207	Tăng Văn Hạ			Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính		Công nghệ thông tin
208	Đặng Trung Tuyển			Tiến sĩ	Quản lý kinh tế lâm nghiệp		Quản trị kinh doanh
209	Nguyễn Trường Long			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
210	Phạm Thị Huyền Trang			Thạc sĩ	Marketing		Công nghệ thông tin
211	Phạm Thị Dung			Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Công nghệ thông tin
212	Trương Minh Thái			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
213	Đào Cẩm Thủy			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
214	Nguyễn Đình Hoàng			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
215	Trần Thanh Long			Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
216	Võ Hoàng Minh Vân			Thạc sĩ	Truyền thông		Công nghệ thông tin
217	Nguyễn Thị Minh Hằng			Thạc sĩ	Khoa Học Xã Hội		Ngôn ngữ Hàn Quốc
218	Đặng Hoài Phương			Tiến sĩ	Toán - Thống kê - Tin học		Công nghệ thông tin
219	Võ Ngọc Mai			Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý		Công nghệ thông tin
220	Phan Quang Hòa			Thạc sĩ	Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
221	Trần Huy Phương			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
222	Nguyễn Cẩm Nhiêm			Thạc sĩ	LT xác suất & thống kê Toán		Quản trị kinh doanh
223	Lê Thị Ánh Tuyết			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
224	Nguyễn Phú Hà			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
225	Trần Lê Thanh Thiện			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
226	Nguyễn Minh Triết			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
227	Nguyễn Thị Liễu Trang			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
228	Đinh Thị Minh Nguyệt			Thạc sĩ	Thiết kế Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
229	Nguyễn Thị Huế			Thạc sĩ	Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin
230	Đỗ Thị Thu Nga			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
231	Lê Thanh Tùng			Thạc sĩ	Hội họa		Công nghệ thông tin
232	Trần Như Quỳnh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
233	Vũ Thị Mai Quế			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
234	Trần Khánh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
235	Đỗ Hoàng Thu			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
236	Trần Kiều Huế			Tiến sĩ	Ngữ Văn		Ngôn ngữ Nhật
237	Trần Nhã Ca			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
238	Lê Thành Huy			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
239	Vũ Anh Tài			Tiến sĩ	Quản trị nguồn nhân lực		Quản trị kinh doanh
240	Nguyễn Thị Mai Lan			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
241	Đặng Trần Hiếu			Thạc sĩ	Marketing		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
242	Nguyễn Phong Sơn			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
243	Đặng Thái Đoàn			Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
244	Bùi Thanh Quang			Tiến sĩ	Kinh tế		Kỹ thuật phần mềm
245	Thái Thị Thanh Thảo			Thạc sĩ	Công nghệ phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
246	Bùi Tuấn Vũ			Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
247	Bùi Đăng Hà Phương			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
248	Lê Thị Minh Ngọc			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
249	Lưu Xuân Trường			Thạc sĩ	Toán học		Kỹ thuật phần mềm
250	Bùi Hoa Hạ			Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa		Công nghệ thông tin
251	Nguyễn Thị Hoàng Quý			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
252	Vũ Xuân Trường			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
253	Đoàn Thanh Sơn			Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
254	Thái Thị Ngọc Lý			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý		Công nghệ thông tin
255	Nguyễn Bảo Toàn			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp giảng dạy môn Tiếng Anh		Quản trị kinh doanh
256	Nguyễn Thị Trâm Anh			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
257	Lê Phạm Tuấn Kiệt			Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
258	Phạm Anh Phương			Tiến sĩ	Toán học		An toàn thông tin
259	Nguyễn Thị Thùy Dung			Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Ngôn ngữ Anh
260	Phạm Việt Ngoan			Thạc sĩ	Quản lý du lịch và giải trí		Quản trị kinh doanh
261	Nguyễn Thụy Bích Ngọc			Thạc sĩ	Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
262	Nguyễn Hữu Chữ			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
263	Hàn Thị Thu Hà			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
264	Phạm Minh Vũ			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
265	Nguyễn Vương Hồng			Thạc sĩ	Kiến trúc		Công nghệ thông tin
266	Nguyễn Thị Thùy Trang			Thạc sĩ	Đồ họa trong XD & nhận diện TH		Công nghệ thông tin
267	Lê Thị Bích Loan			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
268	Trần Công Tịnh			Thạc sĩ	Âm nhạc		Quản trị kinh doanh
269	Phạm Minh Thuấn			Thạc sĩ	Kỹ thuật mật mã		Công nghệ thông tin
270	Huỳnh Phú Tân			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
271	Phan Văn Hùng			Thạc sĩ	Việt Nam Học		Công nghệ thông tin
272	Trần Công Thành			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
273	Trương Mạnh Đạt			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
274	Nguyễn Văn Quảng			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
275	Bùi Thanh Hùng			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
276	Vũ Thị Tuyết Nhung			Thạc sĩ	Quan hệ công chúng		Quản trị kinh doanh
277	Trần Văn Tiền			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
278	Trần Quý Nam			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
279	Phan Minh Hiếu			Thạc sĩ	Quản trị du lịch		Công nghệ thông tin
280	Nông Thị Hoa			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
281	Đào Thị Thu Hương			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
282	Nguyễn Hữu Khải			Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
283	Doãn Minh Mão			Thạc sĩ	Tiếng Anh		Quản trị kinh doanh
284	Nguyễn Nguyên Bình			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
285	Trần Ngọc Hoàng			Tiến sĩ	Điện tử-Máy tính		Công nghệ thông tin
286	Tạ Thị Thúy			Thạc sĩ	Tâm lý học		Kỹ thuật phần mềm
287	Nguyễn Thị Thu Nga			Thạc sĩ	Kiến trúc		Công nghệ thông tin
288	Nguyễn Trung Việt			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
289	Nguyễn Văn Quân			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
290	Hoàng Thị Phương Thảo			Thạc sĩ	Chính sách Công		Quản trị kinh doanh
291	Nguyễn Thế Vịnh			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
292	Trương Thị Hiếu Hạnh			Thạc sĩ	Tài chính		Công nghệ thông tin
293	Đặng Thị Ngoan			Thạc sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
294	Trần Thị Kiều Oanh			Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Quản trị kinh doanh
295	Lê Mạnh Đức			Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
296	Võ Hồng Phượng			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
297	Đặng Thị Ngọc Huyền			Thạc sĩ	Quản Trị Dự Án		Quản trị kinh doanh
298	Châu Trần Trúc Ly			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
299	Trần Kim Hồng			Tiến sĩ	Khoa Học Xã Hội		Quản trị kinh doanh
300	Nguyễn Bích Thủy			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
301	Bùi Việt Thắng			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
302	Nguyễn Hữu Quỳnh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
303	Hồ Hiếu			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
304	Phạm Quang Nhật Minh			Tiến sĩ	Khoa học thông tin		Công nghệ thông tin
305	Nguyễn Lý Minh Thy			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
306	Nghiêm Thị Lan Phương			Thạc sĩ	Toán - Tin ứng dụng		Công nghệ thông tin
307	Trần Thị Ánh Phương			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
308	Kiều Hữu Dũng			Thạc sĩ	Toán giải tích		Quản trị kinh doanh
309	Trịnh Thị Thu Giang			Thạc sĩ	Quản lý khoa học và công nghệ		Công nghệ thông tin
310	Lê Minh Hóa			Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Kỹ thuật phần mềm
311	Huỳnh Ngọc Thái Anh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
312	Nguyễn Đức Vinh			Tiến sĩ	Toán ứng dụng		Quản trị kinh doanh
313	Nguyễn Đức Hiên			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
314	Huỳnh Quốc Dũng			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
315	Trương Ngọc Tân			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
316	Nguyễn Hữu Thị Thùy Dương			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
317	Lê Xuân Nguyên			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
318	Nguyễn Thị Thu Trang			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
319	Lại Xuân Thu			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Nhật		Ngôn ngữ Nhật
320	Võ Hoàng Phương Dung			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
321	Lý Thanh Danh			Thạc sĩ	Lý Luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Anh		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
322	Nguyễn Tuấn Nghĩa			Thạc sĩ	Nhiếp ảnh và truyền thông số		Công nghệ thông tin
323	Nguyễn Công Nam			Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
324	Hàn Minh Phương			Thạc sĩ	Tin học		Công nghệ thông tin
325	Nguyễn Đăng Khoa			Tiến sĩ	Kỹ thuật hàng không		Công nghệ thông tin
326	Nguyễn Hữu Cầm			Thạc sĩ	Thiết kế Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
327	Ngô Thị Thanh Hòa			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
328	Vũ Đình Thắng			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
329	Lương Xuân Diệu			Thạc sĩ	Kỹ thuật máy tính		Công nghệ thông tin
330	Lê Đình Duy			Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
331	Phạm Quốc Thắng			Thạc sĩ	Báo chí		Quản trị kinh doanh
332	Đinh Thành Nhân			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Kỹ thuật phần mềm
333	Lê Văn Phương			Tiến sĩ	Văn học		Quản trị kinh doanh
334	Trần Song Thực Nguyên			Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Ngôn ngữ Anh
335	Nguyễn Thanh An			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
336	Võ Thị Ngọc Tú			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
337	Nguyễn Vũ Anh Quang			Tiến sĩ	Thông Tin Tr.Thông/Truyềnthông		Công nghệ thông tin
338	Nguyễn Đại Thọ			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
339	Kiều Thị Thu Hương			Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
340	Lương Văn Hiếu			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
341	Nguyễn Minh Vương			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
342	Phan Viết Thế			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
343	Nguyễn Văn Tấn			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
344	Hoàng Văn Long			Thạc sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
345	Lê Thị Thanh Tú			Thạc sĩ	Toán học		Kỹ thuật phần mềm
346	Đoàn Trung Dũng			Thạc sĩ	Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam		Công nghệ thông tin
347	Trần Thị Ngọc Vỹ			Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
348	Trần Hoàng Việt			Tiến sĩ	Software Engineering		Kỹ thuật phần mềm
349	Dương Hoài Lan			Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực		Quản trị kinh doanh
350	Thái Hoàng Danh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
351	Nguyễn Thị Hồng Vân			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
352	Hầu Nguyễn Thành Nam			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
353	Nguyễn Khánh Ngọc			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
354	Nguyễn Khắc Chung			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
355	Đỗ Phi Hưng			Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
356	Trần Hữu Minh			Thạc sĩ	Kỹ thuật máy tính		Công nghệ thông tin
357	Nguyễn Hồng Vương			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
358	Nguyễn Duy Kiên			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
359	Hoàng Đức Việt			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
360	Hoàng Xuân Hồng			Thạc sĩ	Điện và kỹ thuật máy tính		Công nghệ thông tin
361	Hoàng Anh Minh			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
362	Phạm An Bình			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
363	Phạm Thị Tú Uyên			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
364	Võ Thành Trung			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
365	Lê Thế Anh			Tiến sĩ	PTHT điều khiển&xử lý thông tin		Công nghệ thông tin
366	Nguyễn Phạm Hải An			Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa		Công nghệ thông tin
367	Nguyễn Vy Rìn			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
368	Nguyễn Kim Ngân			Thạc sĩ	Châu Á học		Ngôn ngữ Nhật
369	Bùi Văn An			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
370	Phạm Thái Kỳ Trung			Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
371	Vũ Minh Phong			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
372	Hạ Minh Hải			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
373	Hồ Đức Lĩnh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
374	Nguyễn Thành Quân			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
375	Trịnh Hồng Hải			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
376	Nguyễn Thanh Tiến			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
377	Đỗ Thị Minh Anh			Thạc sĩ	Quản trị toàn cầu		Quản trị kinh doanh
378	Nguyễn Minh Trang			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
379	Bùi Lê Na			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
380	Huỳnh Thảo Trinh			Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
381	Trần Anh Huy			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
382	Huỳnh Ngô Văn			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
383	Đặng Ngọc Chương			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
384	Nguyễn Đức Huy			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
385	Bùi Vĩnh Phú			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
386	Đỗ Đình Thủ			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
387	Huỳnh Ngọc Dũng			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
388	Lê Thị Ngọc Mai			Thạc sĩ	Thị trường tài chính quốc tế		Công nghệ thông tin
389	Lưu Ngọc Điệp			Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
390	Vũ Đăng Khoa			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
391	Nguyễn Thị Hiền			Thạc sĩ	Kỹ thuật máy tính		Công nghệ thông tin
392	Lê Nhật Duy			Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Công nghệ thông tin
393	Lê Ngọc Thạch			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
394	Đỗ Hồng Long			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
395	Mai Minh Hải			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
396	Ngô Quang Huy			Thạc sĩ	Lý luận&p.pháp giảng dạy T.Anh		Ngôn ngữ Anh
397	Lai Văn Phút			Thạc sĩ	Toán giải tích		Quản trị kinh doanh
398	Đào Hoàng Tú			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
399	Hoàng Phi			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
400	Nguyễn Thiên Bảo			Tiến sĩ	CNTT và truyền thông		Công nghệ thông tin
401	Nguyễn Hồng Giang			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
402	Phạm Thị Thanh Thúy			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
403	Nguyễn Hữu Đức			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
404	Mai Nguyễn Duy Anh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
405	Đỗ Khắc Thành Nhân			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
406	Thân Thiên Chương			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
407	Nguyễn Đức Thắng			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
408	Trần Duy Điền Sơn Trân			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
409	Tổng Văn Hải			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
410	Nguyễn Duy Dũng			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
411	Đỗ Lê Minh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
412	Cao Tiến Thành			Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
413	Trần Thị Kim Anh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
414	Đinh Phạm Thảo			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
415	Nguyễn Văn Anh			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
416	Phan Lê Phong			Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Thiết kế đồ họa
417	Hoàng Văn Dũng			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
418	Đào Duy Cường			Thạc sĩ	Kỹ thuật đo & Tin học C.Nghệ		Công nghệ thông tin
419	Trần Đông Hải			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
420	Lê Đức Lộc			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
421	Hoàng Văn Trường			Thạc sĩ	Toán Tin học		Công nghệ thông tin
422	Lê Thị Hồng Nhung			Thạc sĩ	Toán - Tin ứng dụng		Công nghệ thông tin
423	Nguyễn Tiến Danh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
424	Nguyễn Ngọc Uyên Hương			Thạc sĩ	Edu. Curriculum & Instruction		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
425	Nguyễn Tuấn Anh			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
426	Bùi Bích Ngọc			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
427	Đỗ Thị Thanh Loan			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
428	Nguyễn Thu Hà			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
429	Trịnh Xuân Đạt			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
430	Đặng Như Toàn			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
431	Trần Quốc Ngữ			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
432	Dương Quang Việt			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
433	Trần Xuân Trường			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
434	Chu Thị Xim			Thạc sĩ	Toán Tin học		Công nghệ thông tin
435	Võ Đức Anh			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
436	Nguyễn Đức Duy			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
437	Nguyễn Tấn Ngộ			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
438	Lê Anh Dũng			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
439	Nguyễn Ngọc Ánh Mai			Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
440	Lưu Văn Ba			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
441	Nguyễn Đình Thà			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
442	Bùi Bình Khang			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Công nghệ thông tin
443	Nguyễn Hữu Lượng Từ			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
444	Lê Hoàng Anh Tuấn			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
445	Nguyễn Thị Thu Hương			Thạc sĩ	Thần học		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
446	Nguyễn Tấn Cầm			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
447	Đỗ Hoài Thương			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
448	Nguyễn Văn Thái			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
449	Đặng Đình Thanh			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
450	Trần Quang Minh Tân			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
451	Lê Ngọc Quyền			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
452	Nguyễn Khắc Hưng			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
453	Nguyễn Thị Tâm		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Chính trị học		Công nghệ thông tin
454	Đặng Ngọc Huy			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
455	Nguyễn Xuân Phong			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
456	Võ Công Nghĩa			Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Quản trị kinh doanh
457	Nguyễn Trần Trung Hiếu			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
458	Đỗ Ngọc Dũng			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
459	Đồng Thị Hải Yến			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
460	Nguyễn Quang Tùng			Thạc sĩ	computer engineering		Công nghệ thông tin
461	Bùi Thị A Phương			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
462	Phạm Hoàng Bình			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
463	Phạm Thị Thanh Thủy			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
464	Võ Tiến An			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
465	Quách Đăng Hoàng Mỹ			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
466	Nguyễn Lê Hồng Ngọc			Thạc sĩ	Quản lý thông tin		Công nghệ thông tin
467	Trần Quốc Dũng			Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Công nghệ thông tin
468	Nguyễn Quốc Long			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
469	Nguyễn Đình Lâm Khánh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
470	Trần Hải Bình			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
471	Nguyễn Xuân Thiên			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
472	Trương Thiên Ân			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
473	Mai Thị Dinh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
474	Vũ Duy Khương			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
475	Lương Hoài Nhơn			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
476	Nguyễn Thị Tú Mi			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
477	Nguyễn Xuân Thạch			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
478	Phan Quốc Kiệt			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
479	Trần Đức Nguyên			Thạc sĩ	Khoa học		Công nghệ thông tin
480	Nguyễn Anh Đức			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
481	Bùi Văn Đoàn			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
482	Nguyễn Hoàng Phương			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
483	Hồ Hương Thiên			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
484	Nguyễn Thị Minh Tú			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
485	Phạm Văn Tính			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
486	Phạm Trí Công			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
487	Huỳnh Thanh Việt			Thạc sĩ	Kỹ Sư máy tính		Công nghệ thông tin
488	Lưu Thanh Tú			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
489	Phạm Trung Dũng			Thạc sĩ	Quản trị chất lượng		Quản trị kinh doanh
490	Nguyễn Quang Hiếu			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
491	Ngô Nguyễn Lan Uyên			Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
492	Trần Mạnh Trường			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
493	Nguyễn Hoàng Sơn			Tiến sĩ	Toán học		Quản trị kinh doanh
494	Lư Huệ Thu			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
495	Nguyễn Thành Giao			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
496	Nguyễn Thị Bích Thủy			Tiến sĩ	Tin học		Công nghệ thông tin
497	Nguyễn Quang Hòa			Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
498	Trần Quang Dũng			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
499	Nguyễn Chí Cường			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
500	Nguyễn Xuân Sâm			Tiến sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ thông tin
501	Phan Hồng Trung			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
502	Hoàng Lê Minh			Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
503	Hồ Thị Như Uyên			Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
504	Nguyễn Trần Lê Anh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
505	Lê Hà Chi			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
506	Lê Trần Nguyên			Thạc sĩ	Engineering		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
507	Phạm Thị Huệ			Thạc sĩ	Báo chí		Công nghệ thông tin
508	Đỗ Thanh Sang			Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử		Công nghệ thông tin
509	Trần Minh Tuấn			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
510	Mai Duy			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
511	Lê Ngọc Huyền Mi			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Công nghệ thông tin
512	Luyện Thị Lan Hương			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
513	Nguyễn Trung Hiếu			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
514	Trần Khánh Hiệp			Thạc sĩ	An toàn thông tin		An toàn thông tin
515	Phan Thị Đăng Thư			Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
516	Huỳnh Trọng Thừa			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
517	Nguyễn Thiên Thanh Trúc			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Công nghệ thông tin
518	Hoàng Đức Huy			Thạc sĩ	Quản trị		Quản trị kinh doanh
519	Phạm Thế Hùng			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
520	Nguyễn Hữu Đạt			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
521	Nguyễn Tú Nam			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
522	Dương Ngọc Quỳnh Lâm			Thạc sĩ	Thiết Kế Nội Thất		Công nghệ thông tin
523	Hà Bách Nam			Thạc sĩ	An toàn thông tin		An toàn thông tin
524	Mai Văn Thịnh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
525	Nguyễn Huỳnh Phương Bảo			Thạc sĩ	Kỹ thuật viễn thông		An toàn thông tin
526	Hà Thị Việt Thúy			Thạc sĩ	Kinh tế chính trị		Công nghệ thông tin
527	Nguyễn Thị Bích Vân			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
528	Nguyễn Hữu Loan			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
529	Nguyễn Lê Thanh Trúc			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
530	Hoàng Thị Lan Phương			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
531	Nguyễn Quang Hiếu			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
532	Nguyễn Hoài Trung			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
533	Lương Văn Đô			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
534	Hoàng Văn Biên			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
535	Nguyễn Quốc Cường			Thạc sĩ	computer engineering		Công nghệ thông tin
536	Nguyễn Đặng Hiền Nhân			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
537	Nguyễn Quang Hòa			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
538	Phan Tuấn Ly			Thạc sĩ	Châu Á học		Ngôn ngữ Nhật
539	Nguyễn Hồng Phương			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
540	Huỳnh Khắc Duy			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
541	Đinh Thị Thanh Trúc			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
542	Nguyễn Trần Thanh Bình			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
543	Nguyễn Thị Linh			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
544	Phạm Đỗ Việt			Thạc sĩ	Toán - Tin ứng dụng		Công nghệ thông tin
545	Lê Minh Kiệt			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
546	Đỗ Anh Thư			Thạc sĩ	Truyền thông toàn cầu		Công nghệ thông tin
547	Nguyễn Nam Trung			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
548	Nguyễn Minh Trung			Thạc sĩ	Tin học ứng dụng		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
549	Nguyễn Mạnh Việt			Thạc sĩ	Kỹ thuật máy tính		Công nghệ thông tin
550	Tân Quang Sang			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
551	Trần Ngọc Cường			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
552	Nguyễn Trung Giang			Thạc sĩ	Kỹ thuật điện và CNTT		Công nghệ thông tin
553	Vũ Hữu Minh			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
554	Nguyễn Minh Nguyệt			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
555	Trần Thanh Sơn			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
556	Dương Đình Dũng			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
557	Nguyễn Thị Thu			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
558	Nguyễn Thế Huy			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
559	Nguyễn Văn Trường			Tiến sĩ	Báo chí		Quản trị kinh doanh
560	Nguyễn Thị Minh Tâm			Tiến sĩ	Toán học		Quản trị kinh doanh
561	LÂM HỒNG THANH			Thạc sĩ	Quản lý thông tin		Công nghệ thông tin
562	Trương Công Đoàn			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
563	Huỳnh Thanh Tâm			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
564	Nguyễn Thúy Ngọc			Thạc sĩ	Giáo dục Tiếng Nhật		Ngôn ngữ Nhật
565	Nguyễn Thị Thanh Ngân			Thạc sĩ	Khoa học nhân văn		Ngôn ngữ Nhật
566	Nguyễn Kiều Linh			Tiến sĩ	Toán ứng dụng		Kỹ thuật phần mềm
567	Nguyễn Thị Thanh Trúc			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
568	Trần Cẩm Bình			Thạc sĩ	Quản lý Hành chính công		Quản trị kinh doanh
569	Bùi Mai Trinh			Tiến sĩ	Thiết kế		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
570	Trịnh Hoàng Nam			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
571	Cao Minh Hồng Hạnh			Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Công nghệ thông tin
572	Nguyễn Tuấn Đăng			Tiến sĩ	Tin học		Công nghệ thông tin
573	Lê Minh Nhựt Triều			Tiến sĩ	Khoa học		Công nghệ thông tin
574	Lê Nhị Lâm Thúy			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
575	Lê Hữu Duy			Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
576	Nguyễn Ngọc Tuấn			Thạc sĩ	Đồ họa		Công nghệ thông tin
577	Nguyễn Đình Huy			Thạc sĩ	Nghệ thuật Điện ảnh-Truyền hình		Công nghệ thông tin
578	Nguyễn Thị Minh Thúy			Thạc sĩ	Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin
579	Trần Nguyễn Mỹ Linh			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Nhật
580	Ôn Trí Đức			Thạc sĩ	Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin
581	Trần Hải			Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Thiết kế đồ họa
582	Lê Thị Thu Hương			Thạc sĩ	Thiết kế		Công nghệ thông tin
583	Nguyễn Hà Nam			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
584	Lưu Tiến Thuận			Tiến sĩ	Kinh doanh (Business)		Quản trị kinh doanh
585	Nguyễn Văn Thép			Tiến sĩ	Tài chính ứng dụng		Quản trị kinh doanh
586	Đặng Thị Thanh Hoa			Tiến sĩ	Lý luận & LS Mỹ thuật CN		Thiết kế đồ họa
587	Tạ Thị Nguyệt Nga			Tiến sĩ	Toán ứng dụng		Quản trị kinh doanh
588	Đặng Trần Minh Hậu			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
589	Lê Ngọc Thành			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
590	Nguyễn Hoàng Phương Linh			Tiến sĩ	Khoa học quản trị		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
591	Phan Thị Hà			Tiến sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
592	Nguyễn Tất Thắng			Tiến sĩ	Cơ học chất lỏng		Công nghệ thông tin
593	Đỗ Thị Bích Ngọc			Tiến sĩ	Khoa học thông tin		Công nghệ thông tin
594	Nguyễn Quỳnh Chi			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
595	Nguyễn Trọng Công Thành			Thạc sĩ	Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin
596	Nguyễn Ngọc Huyền Trân			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
597	Lê Thị Thanh Vân			Thạc sĩ	Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
598	Lê Tân			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
599	Võ Thị Thanh Thảo			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
600	Nguyễn Quang Vũ			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
601	Nguyễn Thị Kiều Trang			Tiến sĩ	Marketing		Công nghệ thông tin
602	Văn Hùng Trọng			Tiến sĩ	Hệ thống thông tin quản lý		Công nghệ thông tin
603	Nguyễn Sĩ Thìn			Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính		Công nghệ thông tin
604	Lê Tự Thanh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
605	Lý Quỳnh Trân			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
606	Trịnh Thị Ngọc Linh			Thạc sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
607	Hồ Văn Phi			Tiến sĩ	Kỹ Thuật		Kỹ thuật phần mềm
608	Trần Thị Thúy Ngọc			Thạc sĩ	Mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ thông tin
609	Lê Phước Cửu Long			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
610	Trần Thế Sơn			Tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông		Công nghệ thông tin
611	Lê Thị Bích Tra			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
612	Nguyễn Văn Lợi			Tiến sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
613	Đặng Quang Hiễn			Tiến sĩ	Kỹ Thuật		Kỹ thuật phần mềm
614	Bùi Bá Hoàng Anh			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
615	Lê Nguyễn Văn Anh			Thạc sĩ	T.Anh cho người nói ngôn ngữ #		Công nghệ thông tin
616	Lê Nguyễn Hải Vân			Thạc sĩ	Truyền thông		Công nghệ thông tin
617	Ngô Thị Hiền Trang			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Công nghệ thông tin
618	Trần Thu Giang			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
619	Nguyễn Thị Nhiên			Thạc sĩ	Ngoại ngữ - Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
620	Nguyễn Tuấn Ninh			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Quản trị kinh doanh
621	Nguyễn Cảnh Khoa			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Kỹ thuật phần mềm
622	Chu Thị Minh Huệ			Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
623	Nguyễn Văn Thâm			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
624	Nguyễn Đình Hiễn			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
625	Lâm Thanh Ngọc			Thạc sĩ	Tin học		Kỹ thuật phần mềm
626	Nguyễn Thiện Đức			Tiến sĩ	Mỹ thuật		Công nghệ thông tin
627	Nguyễn Thị Hiền Lê			Thạc sĩ	Nghệ thuật		Công nghệ thông tin
628	Huỳnh Trung Trụ			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
629	Nguyễn Chánh Tú			Tiến sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
630	Phan Quang Như Anh			Thạc sĩ	Phương pháp Toán Sơ cấp		Quản trị kinh doanh
631	Mai Văn Hà			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kỹ thuật phần mềm
632	Trương Ngọc Châu			Tiến sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
633	Phạm Công Thắng			Tiến sĩ	Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
634	Ngô Ngọc Tri			Tiến sĩ	Quản Lý Kỹ Thuật		Công nghệ thông tin
635	Nguyễn Thị Mai Thủy			Thạc sĩ	Toán học		Quản trị kinh doanh
636	Nguyễn Thế Xuân Ly			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
637	Phạm Hải Hà			Tiến sĩ	Toán ứng dụng		Quản trị kinh doanh
638	Hồ Ngọc Thảo Trang			Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
639	Nguyễn Thị Mai Anh			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
640	Trần ánh Phương			Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế		Quản trị kinh doanh
641	Nguyễn Thái Cường			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
Tổng số giảng viên toàn trường							641